

PHẬT PHÁP CÙNG KHOA HỌC

Tác giả: Ông Trí Biểu

Viết dịch: Thích Thắng Hoan

MỤC LỤC

*- Lời Tâm Niệm.

*- Lời Nói Đầu

A.- Quan Niệm Phật Giáo Và Khoa Học

I.- Phật Giáo Là Tông Giáo Thuần Lý Trí,

II.- Phật Giáo Đích Thực Nghiên Cứu Tinh Thần,

III.- Quán Bình Đẳng Của Phật Giáo,

IV.- Quán Nhân Duyên Của Phật Giáo,

V.- Tinh Thần Tích Cực Của Phật Giáo,

VI.- Phật Giáo Nhập Thế Ứng Dụng,

B.- Kết Luận.

LỜI TÂM NIỆM

Kính thưa tác giả Uông Trí Biểu, tôi tự xưng là một thầy tu tên là Thích Thắng Hoan, xin chân thành gửi đến tác giả lời tâm niệm tha thiết theo đây, tôi không biết mặt và trụ xứ của tác giả, chỉ biết danh hiệu qua tác phẩm với nhan đề là “PHẬT GIÁO DỮ KHOA HỌC”, có chỗ gọi là “PHẬT GIÁO KHOA HỌC QUAN” do Phổ Môn Văn Khố Ấn Tặng. Tôi đọc xong tác phẩm này của Ngài vô cùng hoan hỷ ca ngợi, không ngờ Ngài là một nhà bác học chẳng những thông bác khoa học mà còn thông bác cả tư tưởng Phật Giáo. Chẳng những thế Ngài còn thông bác cả kinh tế học, chánh trị học, văn học, xã hội học vân vân được nằm gọn trong tác phẩm. Theo tôi nhận thấy trong tác phẩm này Ngài dùng khoa học để biện minh cho Phật giáo cũng là một tông giáo khoa học tâm linh. Cụ thể như Ngài xử dụng Kỹ Hà Học của nhà Bác Học soi sáng vũ trụ học của Phật Giáo, cũng như Ngài đem Luận Lý Học của La Tật giới thiệu tở giáo qua Nhân Minh Luận của Phật Giáo không thua kém. Còn nhiều vấn đề độc đáo khác giữa khoa học và Phật Giáo muốn được rõ biết xin đọc thẳng vào tác phẩm của tác giả.

Hôm nay tôi viết lời tâm niệm đây gửi đến Ngài là để xin phép Ngài dịch tác phẩm này ra Việt ngữ là tiếng nước ngoài

để phổ biến đến các học giả Việt Nam tham cứu. Rất tiếc tác phẩm này của Ngài là viên ngọc quý mà lại nằm yên trong thư viện và nằm âm thầm trong chữ Hán không ai biết thật là vô cùng hối tiếc. Theo nguyên tắc muốn dịch tác phẩm của Ngài phải xin phép Ngài trước và được Ngài cho phép mới được dịch và phổ biến. Nhưng rất tiếc, tôi không biết chỗ ở và địa chỉ của Ngài. Nhằm mục đích hoằng pháp và truyền bá tư tưởng Phật giáo

qua tác phẩm của Ngài, nhưng ở đây không có tánh cách thương mại làm ăn, xin Ngài hiểu và tha thứ cho. Hơn nữa tôi thiết nghĩ Ngài cũng muốn phổ biến tác phẩm của mình được hiểu biết sâu rộng khắp nơi mà ở đây tôi là một trong những người thực hiện ý muốn của Ngài đem tư tưởng của Ngài phát huy ra nước ngoài.

Tôi là một nhà tu một nhà tư tưởng Phật giáo mà không phải là nhà khoa học, cho nên danh từ chuyên môn của khoa học tôi không rành cho lắm, chỉ biết lơ mờ khi còn cập sách đến nhà trường và hơn nữa tôi năm nay 2020 đã hơn 92 tuổi đời, không còn nhớ rõ khi còn đi học mà đặc biệt hơn nữa khoa học không phải là ngành chuyên môn của tôi. Xin tác giả và các học giả cao minh thấy chỗ nào dịch không chính xác chỉ bảo để tôi tu chỉnh lại cho hoàn bị hơn.

Điều đáng chú ý, tôi dịch theo lối thoát văn, chỉ lấy ý tưởng của tác giả hơn là theo cú pháp của chữ Hán. Những chỗ nào có những chữ nằm nghiêng trong dấu ngoặc đây (...) chính là những chữ của dịch giả thêm vào để cho rõ nghĩa hơn.

Tóm lại, để làm tư liệu phong phú cho nền văn học Phật giáo Việt Nam trên công trình phát huy quang đại tư tưởng Phật giáo khắp mọi tầng lớp trí thức muốn tìm cầu Phật giáo nói chung và văn học Việt Nam nói riêng, tôi cố gắng với tuổi già sức yếu dịch xong tác phẩm này để giới thiệu đến các nhà trí thức Việt Nam yêu văn hoá dân tộc hãy cố gắng tìm hiểu đúng ý nghĩa của Phật giáo và nhờ đó không phản bội lại tinh thần văn hoá dân tộc hơn bốn ngàn năm văn hiến.

Trước khi dứt lời, một lần nữa xin sám hối tác giả tha thứ việc làm của tôi không xin phép trước và có chỗ nào sai sót thành tâm xin chỉ bảo cho để tôi tu chỉnh cho được hoàn hảo hơn.

Thành tâm kính lễ,
Ngày 16. 04. 2020

Dịch giả: Thích Thắng Hoan
Chùa Phật Quang
Trung Tâm Phiên Dịch và Sáng Tác

A.- QUAN NIỆM PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC.

LỜI NÓI ĐẦU

Phật giáo là Tông giáo theo quan niệm cổ xưa, trước đây bị người đời ngộ nhận cho là mê tín. Xem từ trên phương diện bề ngoài, nó xác thực là đã khoác lên trên nó sắc thái tông giáo rất sâu nặng. Người ta xem thấy tượng Phật trang sức bằng vàng, nghe đến tụng kinh bằng tiếng Phạn với tiếng chuông và tiếng khánh, nếu có ai hỏi đến, họ đều khăng khăng trả lời là lễ bái nhằm mục đích tỏ lòng tôn kính thần tượng; người ta lại xem thấy sự sinh hoạt của tăng chúng trong tự viện liên khăng khăng vu khống cho chúng nó là ký sanh trùng trong xã hội. Phải biết trong giáo lý của đạo Phật, mỗi sự việc, mỗi sự vật đều có lý luận trên căn cứ, chỉ là những thứ lý luận này hoàn toàn quá cao thâm, chẳng những không phải dùng ba nói hai lời có thể giảng giải được minh bạch, mà lại cần yếu phải có cơ sở học vấn tương đương thì mới có thể nghe đến hiểu rõ được. Người ta nói Phật giáo là mê tín, kỳ thật ngược lại họ đã hoàn toàn phạm phải bệnh mê tín, nguyên vì họ đều chưa từng triệt để nghiên cứu qua giáo lý Phật giáo, thậm chí có thường

thức phổ thông gắn liền với Phật giáo cũng chẳng biết đến, người kỳ thị đã nói cũng nói rồi, đây mới là mê tín chân thật --- là người nói bừa bãi chụp mũ cho người khác là mê tín.

Phật giáo có thể cho là Tông giáo và cũng có thể cho là không phải Tông giáo, đây cần yếu là xem họ đối với hai chữ Tông giáo định nghĩa như thế nào. Nếu như căn cứ nơi nguồn gốc của nó mà nói chắc chắn là Religion, là chỉ cho Tông giáo sùng bái nhất Thần hoặc đa Thần, riêng Phật giáo trên căn bản chính là không phải Tông giáo, nguyên vì Phật giáo thì không chủ trương thần quyền. Nếu giải thích nghĩa rộng thì phạm chỗ có tông chỉ chỗ có giáo dục đều được xưng là Tông giáo, như Khổng giáo, Đạo giáo, vân vân, thì Phật giáo cũng có thể cho là Tông giáo.

Từ khi khoa học phát đạt trở về sau, nơi có Tông giáo sùng bái nhất Thần hoặc đa Thần, ý nghĩa từ từ bị thu hẹp lại, sớm đã chịu công kích không ngừng của khoa học, chỉ có Phật giáo thì dĩ nhiên không như thế, khoa học càng phát triển thì giáo nghĩa của Phật giáo càng phát huy sáng ngời rộng lớn. Những năm gần đây, các chỗ Phật giáo trên thế giới càng ngày càng hưng thịnh, thật là tiến bộ so cùng với khoa học trở thành tỷ lệ thuận. Ngay như quốc gia của ta những năm gần đây, trong Phật giáo đồ lại có không ít là khoa học gia và công trình gia. Đây là nhân vì lý luận của Phật pháp đều có thể khảo nghiệm khoa

học quá rành mạch, cho nên phàm đối với khoa học tạo trình độ càng thâm sâu, càng có khả năng giải thích trong Kinh Phật mà xưa nay văn nghĩa không thể giải thích. Từ trước đến nay, hiểu biết tất cả sự tướng trong Phật giáo, ở nơi người thường thấy cho là mê tín, nhưng nó lý luận đều có cơ sở kiện toàn và kiên cường. Tác giả nhân căn cứ nơi đây sáng tác “Quan Niệm Phật Giáo Khoa Học” xin trình bày lý thuyết đó nơi sau.

I.- PHẬT GIÁO LÀ TÔNG GIÁO THUẦN LÝ TRÍ.

Các đại gia đều biết sản vật của đạo Khoa học là lý trí, nhưng không biết sản vật của Phật giáo có phải cũng là lý trí hay chăng? Có thể nói sản vật của Phật giáo so sánh cùng Khoa học cả hai cũng đều là lý trí, cho nên theo lập trường của Khoa học để xem Phật giáo, cần yếu là so sánh từ nơi các phương diện kinh tế, chánh trị, văn học, triết học để xem và khi xem cần phải được rõ ràng và chính xác. Khoa học đã từng đả phá hoàn toàn ngu ám của nhân loại trải qua kể từ ngàn năm về trước, giải trừ hoàn toàn sự mê chấp của nhân loại; còn Phật giáo đối với nhân loại cũng có quá trình cống hiến giống nhau. Ở đây tường thuật tỉ mỉ như bên trái:

1/- Bài trừ mê ám, nhân loại đều hướng về nơi có rất nhiều sai lầm, như không dùng lý trí để suy tính trắc nghiệm cho tinh tế, chúng nó thường thường bị mê hoặc ở chỗ lợi dụng sai lầm

để theo mục đích riêng tư. Thí dụ rất đơn giản, như trước kia các đại gia đều công nhận mặt địa cầu là bằng phẳng, là hình vuông, là đứng yên bất động; còn mặt trời thì chuyển động. Sau này các nhà Khoa học thuyết minh địa cầu là hình tròn, là tự chuyển động và khác hẳn là hướng về mặt trời đi vòng quanh. Lại nữa như vấn đề nhật thực và nguyệt thực, từ trước nhận định cho là rất thần bí, hiện tại đều biết nhật thực là mặt trời bị mặt trăng ngăn che, còn nguyệt thực là mặt trăng bị ảnh địa cầu ngăn che; cho nên những sự việc sai lầm trước kia đều là do thời điểm suy tính của họ. Tôi lại ghi nhận được là nhờ khóa căn bản mở đầu Kỷ Hà Học mới có thể có bao nhiêu thí dụ. Trước hết để thuyết minh con mắt có nhiều thứ hiểu biết sai lầm, như bên trong con mắt có một thí dụ, là đem hai căn số bình hành (*song song với nhau*) mà dài đồng đẳng (*ngang nhau*) để hai căn số trực tuyến (*đường thẳng*) và hai đầu, mỗi đầu thêm $\langle == \rangle$ cùng với $\rangle == \langle$ hai thứ hoa văn (*hai thứ kiểu vẽ*) lại gặp nhau khiến người hiểu được hai căn số trực tuyến đây là một dài một ngắn. Do đó chứng minh đơn phương dựa vào con mắt để phân biệt dài ngắn chính là dựa vào chỗ không ngừng lại. Hơn nữa như vào đêm tối, chúng ta xem thiên văn thấy tinh tú trên không trung liền cho chúng nó là tồn tại, nhưng các nhà Thiên Văn Học cho chúng ta biết có rất nhiều tinh tú khoảng cách địa cầu chúng ta rất xa đã lìa khỏi; đặc biệt những tinh tú nói trên khoảng cách địa cầu chúng ta không thể dùng đoạn đường Dặm (*555 mét*) để tính toán, chính là phải dùng ánh sáng

xa và niên số để tính toán, ánh sáng niên số gọi là Quang Niên, khoảng cách một Quang Niên dùng mỗi Sao là 30 vạn Công Ly (*Một Công Ly là một cây số: 1 kí lô mét*) để tính toán, một Quang Niên (*một năm ánh sáng*) là 30 vạn Công Ly (*tức là 30 vạn năm ánh sáng*), về khoảng cách cũng tức là 30 vạn kilômét, cũng tức là 30 vạn cây số. Các hành tinh khoảng cách xa có số lượng là 10 Quang Niên. (*10 Quang Niên, nghĩa là $10 \times 30 = 300$ vạn cây số cũng tức là 300 vạn năm ánh sáng*). Cho nên chúng ta xem thời gian của viên ngọc hành tinh đây đã phát hiện ánh sáng từ mấy mươi năm trước, đã trải qua thời gian mãi cho đến ngày nay và hiện tại viên ngọc hành tinh đó sớm đã bay đến chỗ nào không biết và bên trong của nó đã ra đi bao giờ. Lại nữa như chúng tôi hiện thấy trong nhà của mình, nào là bàn ăn, ghế dựa, bút ghiêng, mâm chén đều đứng yên bất động và vững chắc, nhưng chỉ có nhà Vật Lý Học cho chúng tôi biết, những thứ nguyên tử trong vật chất này (*tức là trong bàn ghế, ghế dựa..v..v... nói trên*) cũng giống với thái dương hệ, nhưng nó khác hẳn với điện tử vì điện tử hoàn toàn đi vòng quanh hạt nhân nguyên tử, còn khoảng cách giữa nguyên tử với nguyên tử chú ý xem thì có kẻ hở rất to lớn, thưa thớt và lỏng lẻo, nhưng chúng hoà hợp lại rất lạ thường; nhưng chúng ta chỉ thấy biểu hiện bên ngoài của bàn ăn, ghế dựa, bút ghiêng, mâm chén đều vẫn đứng yên bất động, vững chắc và chúng ta thấy như thế thì hoàn toàn không đúng, không giống nhau; mắt thịt của chúng ta thực tế không thể thấy được chân tướng nơi vật thể của

chúng; chúng ta muốn thấy chân tướng của vật thể như bàn ăn vân vân, lẽ tất nhiên phải dùng lý trí của Lan Tập (Lôgíc) để phối hợp thì mới có thể suy tính đáp án được chính xác.

Phật giáo khác nhau, nghĩa là không hiểu biết theo kiểu uốn nắn sai lầm. Nước ta hưởng về trước có cổ ngữ “Trời không hai mặt trời”, nhưng trong Kinh Phật nói “ba ngàn đại thiên thế giới” chính là nói có mười vạn vạn thái dương (*mặt trời*), may mắn thay những vua của nước ta không có nắm lấy tội danh đại nghịch bất đạo đi tàn sát những tư tưởng đối nghịch, lại thêm các Kinh Phật tiếp nhận tượng Ni áo trắng giống anh của vua. Hiện tại trong Kinh Thiên Văn chứng minh có nhiều định tinh bí mật tập hợp, mỗi một định tinh là một thái dương hệ. Tất cả không có đọc qua sinh lý học đều cho thân thể của ta đây chỉ có “Ngã” độc chiếm cá nhân một người. Nhưng đạo Phật cho biết phía bên trong mỗi nhục thân có rất nhiều thứ sanh trùng nhỏ bé đến chiếm giữ, và mỗi sinh trùng đều có “Ngã” của chúng để cùng nhau đồng hưởng thụ. Đức Phật ở hai ngàn năm trăm năm trước đã báo cho chúng ta biết Ngài hoàn toàn mạnh dạn và nói thẳng trong thân người là một ổ vi trùng, đặc biệt quan trọng là trong một chén nước có tám vạn bốn ngàn loại vi trùng; vấn đề vi trùng đây được thấy rõ trong các Kinh như “Trị Thiên Bệnh Tất Yếu Kinh” và “Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh”. Kinh Phật không riêng nói ra tên chữ các thứ trùng, mà lại còn miêu tả hình dạng và động tác của chúng nó. Ở Khoa học trở

về trước không có mở mang, chỉ giống nhau là người không tin tưởng và chấp nhận thuyết vi trùng này, thật là không dễ dàng. Đức Phật tuy nói được vấn đề này rất rõ ràng, mà lại chỉ đức Phật tự nói, đức Như Lai là người chân ngữ (*chân ngữ là lời nói chân lý không sai trái*), người thật ngữ (*Thật ngữ là lời nói đúng sự thật không giả dối*), người như ngữ (*Như ngữ trước sau không biến đổi*), người không cuồng ngữ, người không dị ngữ (*Không Dị ngữ là lời nói trước sau không khác nhau*), nhưng những thứ vi trùng này quá nhỏ bé, con mắt thịt đã không bao giờ thấy được, lúc bấy giờ lại không có kiến hiển vi giúp người kiểm soát, thế vậy làm cách nào đức Phật có thể dạy người triệt để hiểu rõ. Hiện tại con người khá đầy đủ Sinh Lý Học Thường Thức, cho nên hoàn toàn dễ tiếp nhận lời của đức Phật. Hơn nữa trên Kinh Phật lại nói đức Phật xem trong một chung nước có tám vạn bốn ngàn vi trùng, hiện tại lời nói này của đức Phật cũng hiểu được hoàn toàn không có vấn đề.

Ở thời đại con Số không có phát minh trở về trước, các đại gia chỉ thừa nhận con Số Chính mà không thừa nhận con Số Phụ và con Số Lẽ, lại không hiểu được cái gì rõ ràng liền thành lập Tố Huyền Số (*làm số giả thuyết*). Lúc bấy giờ trong đây biểu thị nhân loại đối với Số Học nhận thức đều chưa được hoàn mỹ. Phật giáo đối với vấn đề Số Học bất kỳ lúc nào đều rất hoàn mỹ và rất phổ biến. Thí dụ như nói Xúc Giác, theo phổ thông chỉ nhận thức thân thể vật chất kết hợp với nhau gọi là

Xúc, nhưng không biết thời gian ly cách của Xúc cũng vẫn có Giác, (*nghĩa là cũng vẫn có hiểu biết*). Nếu thời gian ly cách của Xúc mà không có Giác (*không biết*) thì sự ly cách của Xúc, nghĩa là khi Xúc kết hợp với nhau cũng sẽ không có Giác (*không biết*) về sự kết hợp của Xúc, cho nên Kinh Phật đối với sự kết hợp của Xúc gọi là Hợp Xúc và thời gian ly cách của xúc gọi là Ly Xúc, cũng giống như trong Đại Số ngoài số Chánh ra cũng thừa nhận số Linh (*số lẻ*). Lại cũng giống như nói lạc là Lạc Thọ, khổ là Khổ Thọ và không khổ không lạc gọi là Xả Thọ, tương đương với vấn đề ba vị trí của Số Học là Số Chánh, Số Phụ và Số Linh (*số lẻ*). Lại cũng giống như nói ngoài Thiện và Ác, còn nắm luôn cả không phải thiện không phải ác gọi là Vô Ký. Những dữ kiện trên đây đều là biểu hiện sự hoàn mỹ giáo pháp của Phật nói so cùng tinh thần Khoa học thì giống nhau, nhưng lại vượt quá tầm thường thức của địa phương.

Thêm nữa có một sự kiện là Khoa học và Phật giáo không khác nhau ở chỗ đều bài bác Linh Hồn. Con người phần đông đều giống nhau là tin có linh hồn như: con người đích thực được điều khiển nơi cái vỏ bên ngoài là nhục thể mà nhục thể chính là vật chất; nhưng vật chất thì không có hiểu biết linh hoạt, cho nên con người nhất định phải có linh hồn để hiểu biết linh hoạt, đồng thời làm chủ điều khiển nhục thể. Thí dụ như một chiếc xe hơi, nhất định phải có tài xế điều khiển chiếc xe. Linh hồn đây thì cũng được chứa ở trong nhục thể, mà nhục thể đã có

linh hồn thì con người mới có sinh hoạt và linh hồn khi ly khai nhục thể thì con người liền bị chết. Lời nói đây dường như trở thành lý thuyết, nhưng chắc chắn La Tập (lôgic) hoặc Nhân Minh Học lại trải nghiệm bỗng chốc lại phát hiện cho thuyết linh hồn đưa đến sự lỗi lầm. Chúng ta hiện tại hỏi họ: Linh hồn đây là vật chất hay không phải là vật chất? Nếu nói linh hồn đây là vật chất thì linh hồn đây tất nhiên phải có kích thước dài hay ngắn, phải có trọng lượng nặng hay nhẹ; hiện tại môn học mổ xẻ thân thể con người rất phát đạt, các bộ phận cấu tạo trong thân thể con người được hiểu rõ rất rành mạch, mặc dù các bộ phận đó quá nhỏ bé cho đến tế bào vi trùng, mỗi mỗi cũng đều biết danh xưng và sự tác dụng của chúng nó. Nhưng từ khi phát hiện một việc kỳ quái mà không biết được danh xưng và sự tác dụng của nó như thế nào, nếu bảo nó thuộc về vật chất thì khi ở nơi sự mổ xẻ trước kia hoặc ở nơi khi con người bị chết, lúc đó chúng ta phải thấy nó đã bay ra ngoài thân thể; hơn nữa linh hồn đây đã là vật chất thì không có động lực nào thúc đẩy linh hồn và quyết định linh hồn không thể tự bay ra khi con người bị mổ xẻ hay khi con người bị chết; còn nếu con người dựa vào nhục thân thì khi nhiệt lực trong nhục thân chán bỏ con người đi ra ngoài thân thể, chừng đó con người phải chết và khi con người đã chết thì nhất định có thể tìm kiếm được điện lực ở xung quanh chu vi con người để đưa nó vào thân thể trở lại khiến cho con người khỏi bị chết. Huống chi vật chất đã là vô tri (*không hiểu biết*) và linh hồn thuộc về vật chất

cũng thuộc loại vô tri, thì tại sao nhục thể lại riêng chọn lấy vật chất một thứ vô tri để làm chủ thể cho mình? Còn nếu nói vật chất có hiểu biết thì nhục thể cũng có hiểu biết mà tại sao nhục thể lại riêng chọn vật chất một thứ hiểu biết khác làm chủ thể cho mình? Cho nên nói linh hồn là vật chất thì quyết định không thể lý luận để chứng minh cho chúng nó. Có người nói linh hồn không phải là vật chất điển hình như ở trong thân đồ đạc phải hiểu có linh hồn mới điều khiển tế bào này tiến vào thì tế bào kia phải ra đi. Tuy rằng tế bào này tiến vào thì tế bào kia phải ra đi nhất định không thể cho nó là linh hồn được.

Phật giáo đã bài bác linh hồn, như vậy ai làm chủ thể khi người ta chưa sanh và ai chịu luân hồi khi người ta đã chết? Phật giáo giải đáp như sau: Vấn đề đây nguyên nhân là bản thể của vạn vật có mặt ở khắp nơi và bản thể đều không có hình tướng, không trụ ở trong và ở ngoài, không đi ra và cũng không đi vào, Phật giáo cương quyết gọi nó là Thần thức, là Phật tánh. Thần thức là chỉ cho bản thể bị vật dục che đậy, còn Phật tánh là chỉ cho bản thể không có vật dục trói buộc, đúng ra Thần thức và Phật tánh tuy là hai nhưng mà một, tuy là một nhưng mà hai (*Mê vọng nó là Thần thức, giác ngộ nó là Phật tánh*). Còn Thần thức và Linh hồn có người cho là giống nhau, nhưng căn cứ trên bản chất thì không giống nhau, người ta chấp nhận cho Linh hồn là có hình tướng, là trụ ở trong thân và có thể ra vào. Chẳng qua chúng ta có thể được nói trở lại là, Thần thức

và Phật tánh tuy nhiên không có hình không có tướng, không trụ ở trong không trụ ở ngoài, không ra và cũng không vào, nhưng mà gặp duyên thành thực (*gặp duyên chín mùi*) thì cũng có thể hiển bày vật chất có hình có tướng ra vào trong và ngoài, cho nên nó đã không phải vật chất mà lại không phải không vật chất. Hiện tại các nhà Khoa học đối với vấn đề Thần thức và Phật tánh lại không có khả năng để giải đáp thêm, chỉ là đoán mò nói rằng: “không có nó thì sự việc không trở lại”, câu nói đây đúng là câu nói hoàn toàn có ý công kích đả phá; ngược lại Phật giáo thì dùng hiện lượng (*thực nghiệm*) của đức Phật thân chứng để thuyết minh câu nói đoán mò trên là không phải (*không đúng*); nếu giải thích Thần thức và Phật tánh bằng cách mổ xẻ phân tích thì lại càng sai lầm, đồng thời đức Phật chỉ thị cho chúng ta sử dụng các thứ pháp môn tu hành để khiến họ chứng ngộ chân lý giống nhau.

Cho nên Khoa học và Phật giáo là hai ngọn đèn sáng trên thế giới và hai ngọn này hoàn toàn chiếu phá tất cả hắc ám của thế gian và giải trừ hoàn toàn sự mê chấp của chúng ta, giúp trí tuệ của nhân loại để phát triển cảnh giới không ngừng, mong đạt đến chánh giác vô thượng. Có thể hối tiếc là Khoa học hiện đại chỉ giới hạn ở nơi hiểu rõ tướng mạo của vật chất, còn về phần quan hệ bộ phận của Tâm thì Khoa học cho dù có nhờ vả một ngọn đèn trí tuệ của Phật giáo, nhưng không đủ khả năng để phá trừ mê ám. Thí dụ như quan hệ nơi các bộ phận cảm

giác khí quan (*Khí Quan là giác quan cảm giác*) của thân thể con người, lại có liên quan đến vấn đề của Tâm, do đây các thứ cảm giác dẫn đến rất nhiều Tâm lý tác dụng xuất hiện (Bách Pháp Minh Môn Luận gọi là Tâm Sở Hữu Pháp), Phật giáo đối với các thứ cảm giác Tâm lý này nghiên cứu rất được tinh tế và đi rất xa mà không phải Tâm Lý Học hiện tại có thể mong đuổi kịp. Hôm nay giả định (*giả thuyết*) chúng ta nghe một thứ âm nhạc do nhạc sĩ trình diễn một khúc nhạc nào đó, Nhĩ Thức chúng ra liền phân biệt giai điệu của khúc nhạc đó, Ý Thức liền theo giai điệu khúc nhạc nói trên, tức thì phân biệt được phong cách tư tưởng tình cảm của khúc nhạc này, nhờ đây dẫn khởi rất nhiều Tâm sở xuất hiện, giúp chúng ta cảm giác đến chỗ tươi đẹp nghe êm tai của bản nhạc, tiếp theo phát sanh các thứ tưởng tượng giả huyễn đồng thời nhân đó cũng liền phát sanh Tâm yêu chuộng và luyến ái mãi không bỏ (Đó chính là danh từ của Pháp Tướng Tông nhân đến giảng và giải thích các Tâm Sở nào là xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư, tham, si, phóng dật). Trường hợp đây chỉ đối với âm nhạc mà đã có người nói tương đương huấn luyện; nếu một người trên căn bản không hiểu rõ âm nhạc thì sau khi nghe xong khúc nhạc này nó thực tế không hiểu đạo lý giai điệu là gì, lại còn không hiểu rõ phong cách tư tưởng tình cảm của khúc nhạc đó, đã vậy nó chỉ biết tiếng ngậm nga đầy lỗ tai, mà không phải chỉ không phát sanh Tâm yêu chuộng và lại còn lo sợ nó phản lại bằng cách tỏ thái độ chán ghét. Nếu căn cứ theo sự phân tích của Vật Lý Học, một bộ

phận đây gọi là Khúc Nhạc, chẳng qua là một chuỗi không khí ba động liên kết với nhau, bao gồm liên kết các thứ âm ba dẫn dắt lan khắp mọi nơi được gọi là Huyền Khúc Tuyến (cũng gọi là Hải Ba) (*nghĩa là ba động hài hoà; Huỳnh Khúc Tuyến, nghĩa là dòng chảy khúc nhạc mâu nhiệm*). Đúng ra đây là Màng Nhĩ khi tiếp nhận sự chấn động của âm thanh khúc nhạc từ nơi không khí ba động, sự thật đó là trạng thái. Cảnh giới hiện lượng của Nhĩ Căn đúng là như đây, tức là trạng thái của khúc nhạc, là không khí ba động của âm thanh.

2/- Vứt bỏ tình cảm, Phật giáo có thể nói là chuyên môn tìm ra các thứ thố giác (*hiểu sai lầm*), huyền giác (*hiểu giả tạo*) của người ta, nhưng người ta lại cho là uốn nắn hợp lý, khiến người ta chạy mãi lên đại đạo giác ngộ mà vẫn chưa đến đâu. Cho nên Phật giáo là thuần lý trí, không phải chỉ không lẫn lộn một điểm tình cảm, nhưng chỉ dốc toàn lực vứt bỏ tình cảm, đây là cùng với Khoa học hoàn toàn đồng nhau. Triết học mặc dù cũng chú trọng lý trí, chỉ chủ trương lập thuyết, rốt cuộc không khỏi kiến lập bè phái, thưởng đồng phạt dị (*thưởng đồng phe đảng và phạt khác phe đảng*). Còn Khoa Học Xã Hội thì có khác, chủ yếu cũng chưa có thể thoát khỏi tình trạng bè phái này. Cho đến Văn Học Nghệ Thuật thì lại thiên trọng về tình cảm, nhưng tình cảm thanh hành thì lý trí yếu kém; riêng đánh giá Văn Nghệ xưa nay không định lý luận. Tình cảm cùng lý trí thường thường lẫn nhau tăng giảm, một cá nhân khi nông

nổi tiếp nhận tình cảm thì lý trí thường nhân đây tiêu giảm, cũng có thể nói bị tình cảm che lấp trở nên lơ mờ; ngược lại lý trí đương lúc phát triển lên cao thì tình cảm (thí dụ như tâm lý tham ái vân vân bị khủng bố) cũng bị tiêu giảm, lúc đó lý trí như ánh sáng mặt trời, còn tình cảm như mây trôi. Tức là như tình của con yêu, mặc dù tình thuộc về nhân luân thường thường cũng khiến cha mẹ có những hành vi đối với con gái phán đoán sai lầm. Lại nữa như nhiệt tình ái quốc, mặc dù không phải là tình riêng tư, nhưng cũng dễ bị mất đi sự khống chế của lý trí, mà gây nên thảm họa. Đến như nam nữ luyện ái nhiệt tình thì thường thường làm ra những hành vi không lý trí, thậm chí quá ngu si làm những việc chết vì tình. Xem nơi lập trường của Phật giáo, những thứ tình cảm đây tuy có phân ra công tư nặng nhẹ, đều là một thứ si ái, cũng liệt vào chỗ vứt bỏ. Cho nên Kinh Lăng Nghiêm nói, chúng sanh bị thặng trầm trong sáu đường là do phần xẩy ra tình tưởng, tưởng nhiều thì đi lên, tình nhiều thì chìm đắm, thuần tưởng thì lên trời, thuần tình thì vào ngục A Tỳ, còn tình và tưởng đều bình đẳng thì sanh vào nhân gian.

Thái độ nghiên cứu của các nhà Khoa học, hướng đến là không xen lẫn một mảy may tình cảm, mà đối với năng lực tưởng tượng thì xem trọng cực đoan. Chỗ có sự cấu tạo của nguyên tử, có sự vận hành của thiên thể, giảng bửa truyền đạt những làn sóng từ trường của điện tử đến các thứ máy móc cơ

giới kết cấu phức tạp, có loại ở nơi sức tưởng tượng không đủ để phổ cập đến nhục nhãn. Thí dụ như chiếu ảnh của Kỳ Hà Học chính là nhu cầu công dụng sức tưởng tượng tối đa của Khoa học. Học sinh khi học khoa này, tất nhiên trước hết phải tưởng tượng trong không gian có ba miếng mặt bằng ánh sáng xuyên qua lẫn nhau giao tiếp thẳng góc, do đây phân chia chúng ra tám góc phần tư (toán). Lại kể đến tưởng tượng có một thứ đường cong gì đó, hoặc thứ mặt bằng gì đó, hoặc thứ lập thể gì đó, an trí nó ở trong một góc phần tư đó. Kể đến tưởng tượng có ba thứ quang tuyến, theo ba phương hướng, thấy đều phân biệt thẳng góc chiếu soi bắn đến trên mặt bằng của ba cơ bản nói trên. Do đây tưởng ra ở mỗi một trên mặt bằng, chỗ đạt đến chiếu ảnh của quang tuyến gì đó hoặc của mặt phẳng gì đó hoặc của lập thể gì đó. Ba thứ chiếu ảnh đây, hiện tại có mặt ở nơi bức họa đồ cơ giới, hoặc họa đồ chánh diện, hoặc họa đồ trắc diện, hoặc họa đồ bình diện. Như tưởng tượng tái diễn sử dụng một thứ họa đồ bình diện, căn cứ nơi một thứ khía cạnh gì đó của họa đồ, nương nơi thứ góc độ nào đó liền cắt đứt một lập thể gì đó (hoặc một thứ cơ giới gì vân vân), liền đem trên mặt cắt đứt của một lập thể đây đến chỗ tiếp xúc họa đồ điều tuyến của lập thể nào đó đi đến xuất hiện kết thành họa đồ tiết diện hoặc họa đồ phẫu diện. Những thứ sức tưởng tượng đây đối với một sự học tập thuần túy Khoa học, hoặc người ứng dụng Khoa học, cực đoan trọng yếu ở chỗ, chỉ tuyệt đối không đòi hỏi gia thêm mấy căn khúc tuyến tốt đẹp. Một

khi trình bày giá trị họa đồ cơ giới, ở nơi chính xác mà không phải ở nơi sáng đẹp, những chữ liên hệ trên họa đồ cũng chỉ cần diễn tả thể chất công trình của nó đơn giản và chính tề, mà không cần diễn tả thể chất hoa mỹ của nó, hoặc thể chất mỹ thuật của nó.

Trong Phật giáo, người dạy lợi dụng sức tưởng tượng mang đến rất nhiều phương pháp tu hành, gọi chung là thiền quán. Thí dụ như năm thứ pháp quán của Ngũ Đình Tâm: 1)- Bất tịnh quán, 2)- Sở tức quán, 3)- Từ bi quán, 4)- Nhân duyên quán, 5)- Giới phân biệt quán. Ngoài đây lại có Pháp không quán, Duy thức quán, Pháp giới quán, và Kinh Quán Vô Lượng Thọ có đề cử 16 thứ pháp quán. Trong các nghĩa lý quán tưởng của Phật giáo đây cũng có quán tưởng hình thái vật chất. Như Bất tịnh quán đích thực đối tượng chính là sự cấu tạo của thân thể con người; Cửu tưởng quán đối tượng đích thực là quá trình bại hoại của thân thể con người sau khi chết. Mười sáu pháp quán gồm có:

1>- Lạc Nhứt Quán (*quán mặt trời lặn*), người dạy pháp quán này là quán một bánh xe mặt trời đỏ lặn dần phía sau núi ở hướng tây, cần yếu xem thấy cho đạt được là khi mắt đóng mắt mở mà vẫn thấy rõ ràng phân minh thì mới tính thành công.

2>- Dĩ Hạ Quán (*quán lấy ra*), người dạy pháp quán tưởng các thứ cảnh tượng và nhân vật của thế giới Cực Lạc. Thứ pháp quán tưởng đây rõ ràng và chiếu ảnh bao nhiêu theo đó xuất hiện mỗi cách. Để thảo luận kinh nghiệm cho sáng tỏ, nhân vì tôi sớm đã thọ giáo qua sự huấn luyện bao nhiêu chiếu ảnh, cho nên khi quán mặt trời sắp lặn đều không có nhiều khốn nạn lớn. Rất gần vào tĩnh lặng, tiểu đồ cư sĩ họ Vương cũng hoan hỷ đi vào pháp quán thứ nhất và thứ nhì của 16 pháp quán, đại khái cũng nhân vì đã có trải qua huấn luyện giống nhau, dễ dàng ở nơi quan hệ thực hiện phép quán. Chỉ là mặc tình ở lúc thiền quán các thứ, chính là nhờ năng lực tưởng tượng đã được huấn luyện cao độ, vạn sự vạn vật xuất hiện lẫn lộn, nhưng trong lúc đó không cho một số tình cảm như, tâm tham ái, tâm chán ghét, tâm sợ hãi, tâm bi thương, vân vân chen lẫn vào, nếu không thì liền nguy hiểm có ma nhập vào.

3/- Phát khởi chánh tín. Như Tiên sinh Lương Khai Siêu nói: “Phật giáo là trí tín, mà không là mê tín.” Có thể là lý luận chính xác. Chỗ gọi tín ngưỡng của Phật giáo là chỉ cho tín ngưỡng trên lý trí chỗ suy đoán trực nghiệm có thể đạt được, mà ở trên sự thật lễ bái theo Phật giáo mặc dù vẫn chưa có thể chứng nghiệm nhưng so nó cùng với Tông giáo khác đối tượng chỗ tín ngưỡng hoàn toàn không giống nhau. Chỗ tín ngưỡng của Phật giáo đó là: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật; trong Phật tánh đầy đủ tất cả pháp, xưa nay

vẫn thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn không giao động; vạn sự vạn vật đều từ nhân duyên hoà hợp sanh ra, không có tự tánh, duy tâm chỗ hiện, duy thức chỗ biến. Tín ngưỡng của Phật giáo đích thực tự chính mình chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác, đây chính là trí tuệ phát triển đến địa vị tối cao siêu, cũng chính là nhân sanh tiến hoá đến cảnh giới tối hoàn toàn viên mãn. Nếu so sánh với Tông giáo khác, họ dạy người tín ngưỡng một vị vạn năng làm chủ sáng tạo vạn vật, khiến tín đồ của họ cam chịu làm con cái của họ, hoàn toàn chìm mất cá tánh của mình, hoàn toàn buông bỏ chủ quyền của tự mình, hoàn toàn tự che mất lý trí của mình; nếu so sánh với tín ngưỡng của Phật giáo thật là hoàn toàn cách biệt nhau một trời một vực. Đức Phật đối với chúng ta nói rằng: “Các ông đều có trí tuệ đức tướng của Phật, nhân vì các ông bị năm dục tạp niệm che đậy không thể chứng đắc, cho nên phải chịu các khổ lâu dài”. Chúng ta nghe xong, biết đạo lý chúng ta xưa nay cùng với Phật đều bình đẳng không hai, chính liền ngay tức khắc phát khởi tâm tự hãnh diện và phát xuất tâm dũng mãnh tinh tấn, cần tu các thiện, gắng sức cầu chứng vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ngược lại, chúng ta nếu hoàn toàn nghe theo Tông giáo họ nói: chúng ta là do Thần tạo dựng, quyền uy thưởng phạt đều do nơi Thần, chúng ta chỉ có thể tưởng tượng như mình là kẻ nô lệ chờ đợi phụng sự chủ nhân. Nếu như phụng mạng chỉ kính trọng, sau khi chết được lên trời, lại nữa chúng ta chỉ kết duyên làm con cái của họ, nhưng tuyệt đối không thể cùng

họ hưởng thụ quyền lợi giống nhau. Thử hỏi có người nào là bậc trượng phu khí khái có hổ thẹn hối hận như đây không?

Người học Khoa học dường như chỉ chú trọng lý trí mà không giảng về tín ngưỡng, nhưng tử tế nói đến Khoa học cũng có tín ngưỡng. Thí dụ như lúc chúng ta học Vật lý Hoá học, chúng ta đối với toàn bộ học lý chỉ thực nghiệm được một phần của ngàn trăm phần. Chúng ta mỗi mỗi thí nghiệm xong, đã tiếp nhận được bao nhiêu học thuyết? Cuối cùng đã thí nghiệm hoàn toàn nhưng vẫn thấy không bình đẳng mà sao lại tín nhiệm nó? Trên sự thật, chúng ta đều đã kiên quyết nhất định tiếp nhận tín ngưỡng này sau khi có biện pháp. Nhân vì chúng ta đã trải qua sử dụng lý trí hoàn toàn giải thích rất nhiều lý luận, đều không tìm đến một Khoa học gia nào có thí dụ lừa dối, vì thế cho nên chúng ta cũng có thể tin tưởng đến chỗ giống nhau của hình chất, nhưng khác nơi lý luận, mặc dù hình chất đó chúng ta chưa đích thân tự trải qua chứng nghiệm. Lý do người khoa học cũng có tín điều của họ, hình chất tin tưởng của họ là căn cứ nơi con người mà chỗ con người công nhận chính là công lý và nơi công lý đó phải lý luận trình bày cho ra đầu mối phiền phức, cũng tức là chân lý của mọi người đều công nhận. Hình chất của họ tin tưởng phải có đề ra giả định hoặc lý luận của quy nạp, ở nơi vấn đề mới, có ngoại lệ không đem hình chất đặt để hàng đầu trước khi đề ra giả định hoặc lý luận, cho đến ít nhất có thể công nhận cho là sử dụng thích hợp nơi

tình hình chân lý hiện tại. Hình chất tin tưởng của họ tất cả vật chất đều biến hoá, đều chịu chi phối của luật nhân quả, quyết định không phải là không có nguyên nhân sanh ra, lại quyết định không phải là do chủ tạo vật sanh ra, cũng quyết định không phải do thần quyền đến làm chủ tể.

Tín ngưỡng của Phật giáo đồ chính là cùng với tín ngưỡng của Khoa học gia bao quát thái độ giống nhau. Chúng nó nhân vì đã trải qua quá trình sử dụng lý trí để giải rõ, nếu sử dụng ngàn lý luận của Phật giáo đều cũng không có tìm được chỗ không thích hợp của La Tập, cũng không tìm ra lý do lừa dối, do đó cũng chính kiên quyết nhất định để tín ngưỡng của họ vào chỗ chưa trải qua lý luận chứng nghiệm. Thí dụ như Phật Tánh, đại đa số tín đồ Phật giáo đều hoàn toàn không có thân chứng đến, nó chỉ là có tín ngưỡng nơi lời nói của đức Phật không hư dối, rồi sau đó lại nương nơi lời dạy mà tu hành để cầu chứng thật. Một sớm chúng ta bỗng nhiên thân chứng, lúc ấy đã thành sự thật, lại bàn bạc không tin được, hoàn toàn không tin. Thí dụ như tôi nói, khi bụng đói ăn cơm có thể no, sự việc đây ai ai cũng đều biết, sử dụng đến không cần người tín ngưỡng. Khi bụng đói ăn thứ gì đó để duy trì mạng sống của họ hoàn toàn cũng không thể cho là no, đây chính là không phải sử dụng luận cứ trên học lý, không thể dạy người sanh tín ngưỡng, bằng không chỉ có xin người thí nghiệm. Giả sử tất cả không có thể kiểm nghiệm, hoặc cảnh không người bằng lòng

kiểm nghiệm, đây cũng không làm trở ngại, chỉ cần yếu là ta đưa ra lý do đầy đủ, lại cũng có người tin tưởng hình chất. Ta nếu nói khi bụng đói chỉ cần yếu là cho ta ăn cơm, ta mới được no. Khi ta nói lời nói đây không cần phải kiểm nghiệm hay không kiểm nghiệm, chính là ta đưa ra bất cứ lý do gì, người nhà cũng không cần tin ngưỡng hình chất đó. Cho nên Tông giáo giống như người nhà nói, một người chết khó, có thể thay thế chuộc tội cho vạn người, lời nói đây làm sao có thể khiến người tin nhận? Nếu có tin thì chỉ mê tín mà thôi.

II.- PHẬT GIÁO ĐÍCH THỰC NGHIÊN CỨU TINH THẦN.

Phật giáo dạy người tin và cũng dạy người nghi, chỗ gọi là “Nghi lớn thì ngộ lớn, nghi nhỏ thì ngộ nhỏ, không nghi thì không ngộ”. Chỗ gọi Tin đây, là tin tưởng lời nói chữ nghĩa có thể đủ để giải thích rõ ràng về lý; chỗ gọi là Nghi đây, là nghi ngờ lời nói chữ nghĩa có chỗ không thể diễn đạt biểu hiện về sự. Thiền tông của Trung Quốc chính là dạy người đề xướng một sự nghi tình, nghiên cứu tâm khi chết, tất cả đạt đến công phu thành thực, tự nhiên nó lại tiêu mất. Phạm vi chỗ nghiên cứu của Phật giáo rất rộng, nghiên cứu giả tâm rất lớn. Phật giáo nơi nơi ở chỗ tìm kiếm cá nhân, ở nơi nơi nghi vấn “Là cái gì”. Vấn đề nhân sanh và vũ trụ đều không phải là đơn thuần từ nơi phương diện vật chất tìm đến giải đáp, tất nhiên phải ở

tinh thần và vật chất cả hai phương diện đi đến nghiên cứu. Cho nên Phật giáo nghiên cứu tinh thần so sánh với khoa học thật là vĩ đại.

1/- (giáp) Phương Pháp Nghiên Cứu. Phương pháp nghiên cứu của Khoa học không ngoài hai phương pháp diễn dịch và quy nạp trong La Tập. Quy Nạp nghĩa là từ công dụng biến hóa của mỗi mỗi vật, tìm dạng quy luật tuân theo cộng đồng. Diễn Dịch nghĩa là theo bao nhiêu điều khoản công lý nào đó đã biết, hoặc quy luật đã trải qua chứng thật, trở lại truy tầm những lý luận chưa biết. Các nhà khoa học lúc nào cũng sử dụng hai thứ phương pháp này, thái độ không phải là thường nghiêm khắc cẩn thận. Nhưng có khi đạt được kết luận quy nạp, chưa chắc có thể nương tựa. Thí dụ như ống kính viễn vọng có công thức của dẫn lực, nhưng trong công thức đó không có nắm bắt được vật thể đang vận động phát nhanh và đi xa hơn, lại nữa như vật chất không giảm năng lực, không giảm sự sai lầm của hai định luật quy nạp và diễn dịch. Nhưng căn cứ nơi pháp diễn dịch mà kiến lập các thứ toán học thì còn không xấu đối với đây, nhân vì chúng nó căn cứ nơi lý luận cơ bản, mặc dù không giống như chỗ chứng hiện lượng của tịnh trí trong Phật giáo, nhưng cũng đều không trái ngược với hiện lượng của thế giới, cho nên xem ra ở nơi nhãn quang của tín đồ Phật giáo có thể nhận là chân thật.

Trong Phật giáo, chỗ sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh với các Khoa học thì rất nghiêm chỉnh. Căn cứ nơi Nội Minh của Phật giáo, chỗ gọi là chân tướng của sự vật, tất nhiên phải sử dụng tịnh trí chân hiện lượng để xa lìa hai chướng phiền não và sở tri thì mới có thể hiển hiện. Nay tính toán theo thông tục, không được thối lui một bước mà chọn lấy sử dụng hiện lượng và tỷ lượng của Nhân Minh Học, thứ hiện lượng và tỷ lượng đây so cùng lý trí thì tương phù (*lý trí phù hợp với nhau*), cũng là chỗ cộng đồng thừa nhận của nhân gian. Nguyên vì ba chi thức của Nhân Minh Học cùng với pháp Ba Đoạn Luận của La Tập giống nhau, chỉ có thứ tự là hoàn toàn ngược lại. Nhân Minh trước hết đưa ra “Tông”, kế đến đưa ra “Nhân”, sau cùng đưa ra “Dụ”. La Tập thì trước hết thành lập “Đại Tiên Đề”, thứ đến thành lập “Tiểu Tiên Đề”, sau cùng thành lập “Đoán Án”. Đoán Án tức Nhân Minh là Tông, Tiểu Tiên Đề tức Nhân Minh là Nhân, Đại Tiên Đề tức Nhân Minh là Dụ. Riêng đề cử đồ biểu rõ ràng bên trái:

A.- Pháp Ba Đoạn Luận của La Tập:

- 1)- Đại Tiên Đề: Phạm vật thuộc loại Kim đều có thể truyền điện.
- 2)- Tiểu Tiên Đề: Nhôm là vật thuộc loại kim
- 3)- Đoán Án: Cho nên Nhôm có thể truyền điện.

B.- Pháp Ba Chi Thức của Nhân Minh Học:

- 1)- Tông: Nhôm có thể truyền điện.
- 2)- Nhân: Nguyên nhân nhôm là vật thuộc loại kim
- 3)- Dụ: Có hai loại Dụ: Đồng Dụ và Dị Dụ;
a/- Đồng Dụ: Hiện thấy chỗ có vật thuộc loại kim
đều có thể truyền điện,
b/- Dị Dụ: Hiện thấy vật thuộc loại không phải kim đều không có thể truyền điện.

Hai thứ luận pháp đây trừ Đại Tiền Đề cùng Dụ hơi có ngoài vấn đề không giống nhau, còn lại đều giống nhau. Dụ chi của Nhân Minh được chia làm hai: Đồng Dụ và Dị Dụ, so sánh với Đại Tiền Đề thì chu đáo hơn, mà lại trong Dụ tránh ra chữ “Phàm”, đặc biệt dùng hai chữ “Hiện Thấy”, cùng so sánh với Đại Tiền Đề thì linh hoạt hơn mà không lỗi lầm. Dụ chi so với Pháp Quy Nạp thì rất vững chắc, nhưng chữ “Phàm” của Đại Tiền Đề thì hơi dễ rơi vào độc đoán, bởi vì nhôm có thể không truyền điện, còn đợi suy đoán, tại sao đặt trước chỗ chưa ấn định, nếu nói Phàm là vật thuộc loại kim đều có thể truyền điện, đâu không phải là mạo hiểm. Cho nên như khi biện luận để chống đối kẻ địch thì mới sử dụng pháp ba đoạn luận của La Tập, còn nếu sử dụng năng lực của Nhân Minh để chống đối kẻ địch thì không thể không lỗi lầm. Ở đây có thể thấy chỗ

sử dụng phương pháp nghiên cứu của Phật giáo thì rất nghiêm mật, còn các phương pháp khoa học thì có chỗ hơi thiếu sót.

2/- (Ất) Công Cụ Nghiên Cứu. Các nhà khoa học đối với chỗ nghiên cứu rất chú trọng khi sử dụng công cụ, họ rõ ràng biết ba căn là nhãn, nhĩ và thân đối diện nơi ánh sáng, âm thanh và nhiệt lượng, phân biệt so lường cứng rắn nhưng không đủ tinh tế; hơn nữa năng lực các người phân biệt không đồng đẳng với nhau và lan rộng ra không có tiêu chuẩn, cho nên họ sớm cần đến rất nhiều máy móc giúp đỡ, như máy đo trắc nghiệm ánh sáng (như sử dụng máy chụp ảnh, biểu đồ cảm quang cũng là một thứ), nghi thức đo ba động âm thanh, máy đo độ cứng, hàn thử biểu, nhiệt lượng biểu vân vân và họ còn vay mượn sức cảm thọ của các thứ vật thể, làm biểu thị cho số lượng, để tránh khỏi nhận lầm của chủ quan. Người khác muốn trắc nghiệm và đo lường thiên thể thì phải có kiến thiên văn, muốn xét thấy sinh vật cực vi thì phải có kính hiển vi. Thêm nữa như điện lực, điện làn sóng, tuyến lực nam châm, vân vân trên căn bản chỉ là khí quan (*cơ quan*) mà không phải là chỗ có cảm giác, đồng thời có các thứ như đồ biểu dòng điện chạy và máy đo cường độ từ trường nam châm cũng không phải là chỗ có cảm giác. Đã vậy họ lại còn có máy móc trắc lượng khía cạnh khoảng cách kinh tuyến, vĩ tuyến vân vân để buộc tất chúng lại; trắc lượng đây nghĩa là trắc nghiệm qua tính toán đo lường độ dày của dịch thể; nói cách khác, họ nhờ có máy móc tin mật

để trắc lượng về trọng lượng, độ dày, độ dài, thời gian vân vân của dịch thể; chủng loại của dịch thể qua sự trắc lượng đây đều có danh xưng, nhiều đến nỗi không thể tính số được. Các nhà khoa học lợi dụng rất nhiều máy móc tinh mật nói trên, nhờ đó đạt được rất nhiều các thứ số lượng của đơn vị thật quý báu. Sau đó họ còn áp dụng pháp diễn dịch của toán học suy tìm các thứ đơn vị số lượng quan hệ của không gian, đồng thời căn cứ những điều nói trên buộc lại thành các thứ đồ biểu khúc tuyến (*đường cong*), để thuyết minh các thứ biến hóa của vật thể. Thế thì nhiều máy móc này có thể chính xác một trăm phần trăm. Nếu không, một số máy móc đây đều là dụng cụ sai lầm. Các nhà khoa học biết rõ nó có sai lầm, cho nên lại tưởng tượng ra phương pháp chỉnh lý chỗ ngộ nhận sai lầm đó. Các nhà khoa học dùng các thứ máy móc đi bổ túc những chỗ thiếu sót của khí quan (*cơ quan*). Họ lại dùng lý trí đi kết hợp điều chỉnh những chỗ sai lầm của máy móc, nhưng ai là người vận dụng lý trí đây, việc ấy chỉ một phần rất nhỏ của đồ đạc có sự sai lầm, lại nữa thế nào cũng cần phải đi kết hợp lại để chỉnh lý nó; các nhà khoa học trước sau không có hoài nghi đến nó một điểm nào, họ không bằng lòng nhưng cũng không dám đưa ra vấn đề đó trở lại, chỉ được bỏ đi những đoạn nghi vấn, đừng để nhà triết học đi phỏng đoán lung tung và đừng để nhà Tông giáo đi hỏi thần hỏi quỷ.

Phật giáo lùi bước có thể nắm vững chỗ thắt chặt vấn đề, nhận biết đây là chủ yếu công cụ của tất cả công cụ, là tiêu chuẩn máy móc của tất cả máy móc, là có thể biết rõ gương sáng của hiện tượng vật chất, chủ yếu đây công dụng của công cụ một phần rất nhỏ hoàn toàn đã mất hiệu quả, tiêu chuẩn của máy móc đã mất tánh chính xác, trên gương sáng đã che đậy một lớp trần cấu thì tất cả của tất cả đều không phải chân tướng. Phật giáo chỉ thị cho chúng ta chỗ có tâm thể của chúng sanh đều là gương sáng, so cùng với Phật không hai, chỉ vì trên gương sáng của chúng sanh đã bị che đậy trần cấu, nên biết rõ đã mất công dụng, tất nhiên phải tăng thêm công phu mài dũa, thì mới có thể khôi phục lại bản thể của nó trở nên trong sáng. Ba tạng mười hai bộ kinh rộng lớn như sương mù mê mông, không thể không thuyết minh các thứ phương pháp mài dũa của các thứ trần cấu, để tự chúng sanh cần yếu không thể không khôi phục lại công dụng của gương sáng trong sáng chiếu soi, khiến chân lý của vũ trụ nhân sanh có thể sáng lạng triệt để. Có thể nói công phu mài dũa thật không đơn giản, để mài dũa cũng cần sử dụng công cụ của mài dũa, phương pháp của mài dũa. Hiện tại trong chùa viện, chỗ cúng gồm có tượng kim thân Phật, chuông trống linh khánh, hương hoa tràng phang, tại nhóm người ngộ nhận cho là mê tín, phía bên trong người biết đạo đây chính là dụng cụ mài dũa. Tại trong chùa viện Mật tông bố trí được thấy đều ánh sáng màu sắc loè lẹt kỳ quái, khiến người cảm giác đến thần bí, kỳ thật trong Phật

giáo, căn bản không có dụng cụ thần bí, sự sự vật vật đều có căn cứ của lý trí, chẳng qua nhân vì luận lý che đậy thâm sâu, một số người không dễ gì biết được thì thôi. Lại nữa như xem đến chuyên cần niệm Phật của Tịnh Độ Tông, ngồi đốt đầu đốt hương của Thiên Tông, khai đàn truyền giới của Luật Tông, ngoài ra cho đến xem kinh thiên quán của Giáo Tông, không có một điều nào là không nằm trong công phu mài dũa. Cho nên chúng ta ở nơi đây thành khẩn chuyên cần thỉnh đọc, cấp thiết chờ sự việc đến thượng hạng rồi sau đó mới tưởng đến mê tín, mới tưởng đến chỗ khinh thường, mới tưởng đến thần bí, cần nên biết trong Phật môn nhất cử nhất động, nhất sự nhất vật đều từ trong tịnh trí của Đại giác xuất hiện, chính chỗ gọi là Phật pháp như nước cam lồ, mỗi giọt mỗi giọt đều ngọt, như hạt ngọc ma ni, mỗi mặt mỗi mặt đều hoàn mỹ, xin các Ngài thưởng thức, liền biết lời nói này không hư dối.

3/- (Bính), Đối Tượng Nghiên Cứu. Chỗ đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học chính là sự cấu tạo của vật chất, sự vận động biến hóa của vật chất, sự giao hợp biến hóa của vật cùng vật, và trong chỗ biến hóa phát sanh các thứ quan hệ của số lượng. Với trong Phật giáo danh từ để giảng chính là nghiên cứu đến chỗ giảng như là, sắc pháp, thời, phương, thế tốc, thứ đệ, vân vân và bao nhiêu thứ pháp Bất Tương Hành của của Bách Pháp Minh Môn Luận, nhưng mà đều chưa nghiên cứu đến các thứ tâm pháp như tâm vương và tâm sở vân vân. Để so

sánh sắc pháp cùng tâm pháp, sắc pháp so sánh sâu xa cùng tâm pháp làm bị ngưng trệ không linh hoạt; tâm pháp thì sinh hoạt biến hoá, linh hoạt dị thường, không như sắc pháp dễ dàng nắm được.

Tuy nhiên chỉ có sắc pháp là đơn giản, khi các nhà khoa học nghiên cứu, nhưng không thể kết hợp toàn bộ nghiên cứu. Giả như có thứ hiện tượng biến động của Giáp, khi chịu ảnh hưởng đến những thứ hiện tượng biến động khác trở lên như của Ất, của Bính, của Đinh vân vân, trong lúc đó chỉ có cách đình chỉ hai hiện tượng tác động của Bính và Đinh thì riêng còn thừa lại một hiện tượng động tác của Ất mà thôi, rồi sau đó mới có thể suy đoán biết được sự quan hệ nhân quả hai thứ hiện tượng biến động của Giáp và Ất. Thí dụ như dòng điện mạnh hay yếu là chịu ảnh hưởng hai thứ dòng điện là điện kiểm chế và điện ngăn trở, ở đây cần yếu phải rõ chỗ hở của dòng điện cùng quan hệ với điện kiểm chế, tất nhiên nên khiến điện ngăn trở phải ở chỗ cố định không cho biến, hoặc cần rõ chỗ hở của dòng điện cùng quan hệ với điện ngăn trở, thì tâm liền điều khiển điện kiểm chế phải ổn định không được biến. Cho nên các nhà khoa học nghiên cứu đối tượng, thường thường đem sự vật phiền phức thiết lập pháp biến hóa trở thành đơn thuần, quyết định không cho toàn bộ biến hoá đem ra nghiên cứu một khi chúng phát khởi.

Như thế đem phương pháp đơn thuần hóa đối tượng để nghiên cứu, Phật pháp cũng áp dụng phương pháp này, chỗ đối tượng nghiên cứu của Phật giáo không chỉ là sắc pháp, mà là thể của sắc tâm phối hợp, chúng nó biến hóa rất rắc rối và phiền phức, ở xa trên sắc pháp cố nhiên khi nghiên cứu tất nhiên cũng phải khiến đối tượng đây hoá làm đơn thuần. Hiện tại trong Phật giáo pháp môn niệm Phật rất thanh hành, tức là khiến sức chú ý tập trung nơi trên phương diện sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật”, không cho tán loạn. Lại nữa như bên tham thiền tham cứu một câu thoại đầu, dạy người quán sát “Bản lai diện mục của ta trước khi cha mẹ chưa sanh” và ngoài ra các thứ pháp môn thiền quán khác cũng không phải là ý muốn ở đây vậy. Chờ đến khi tâm tác dụng theo đơn thuần vào chánh định, dụ như gió lặn sóng yên, mặt nước như gương, lại dùng gương đây chiếu soi tất cả hiện tượng vật chất, tự nhiên đạt đến chân diện mục của nó so cùng chúng ta sử dụng tâm phân loạn xem đến hoàn toàn không giống nhau. Chúng ta dùng tâm phân loạn giống như mặt nước bị gió thổi sóng ba đào liên phát khởi, ánh sáng tạp loạn, lúc đó đương nhiên chân tướng của sự vật đều không xuất hiện.

III.- QUÁN BÌNH ĐẲNG CỦA PHẬT GIÁO.-

Thế gian chỗ gọi ý nghĩa bình đẳng là nhỏ hẹp, là nhánh lá, chỉ mới nói đến bình đẳng của địa vị chánh trị, bình đẳng của

địa vị kinh tế, bình đẳng của cơ hội giáo dục, bình đẳng của quyền lợi nam nữ, mà không thể giảng rõ ràng triệt để của bình đẳng. Nhơn sanh lại có rất nhiều sai biệt, nào là luận về gia thế, luận về tướng mạo, luận về phẩm tánh, luận về trí huệ, luận về thể cách, cho đến có quý tiện, đẹp xấu, mạnh yếu, trí ngu; riêng phân biệt mạnh yếu, trên căn bản chính là có thể bình đẳng. Nhưng nơi giáo nghĩa của Phật giáo cho đây là sai biệt giả tướng, còn luận về nguyên lý bản thể của nó thật là triệt để bình đẳng. Cho nên kinh Phật có nói: “Tâm, Phật và chúng sanh, ba thứ không sai biệt, đều bình đẳng bình đẳng”. Phật giáo chỗ nói về bình đẳng, không phải là bộ phận nhỏ, chính là bình đẳng toàn diện. Nói không đơn giản bình đẳng giữa người cùng người, bình đẳng giữa Phật cùng Phật, giữa người cùng Phật, giữa người cùng động vật, giữa người cùng thiên thần quỷ ngục đều là bình đẳng. Nói không đơn giản bình đẳng hữu tình, tất cả tâm pháp, tất cả sắc pháp, tâm pháp cùng sắc pháp, nhân pháp cùng quả pháp, thủy đều bình đẳng. Chỗ nói: “Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ.” (*Là pháp bình đẳng, không có cao thấp*). Sở dĩ chúng sanh có tướng sai biệt, nhân vì mê mất bản tánh, phát khởi tà kiến điên đảo, chạy theo vọng thấy các thứ sai biệt, thật ra thì mỗi mỗi đều nương nơi bản tánh chiếu hiện bình đẳng, chưa thường cải biến. Đây là Phật giáo lý luận cơ bản, toàn bộ giáo nghĩa đều từ đây lưu xuất.

1/- Giả tưởng của nhơn và ngã, Phật giáo nói thể chất của con người là năm uẩn tập hợp, năm uẩn gồm có năm thứ nhân tố là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc chính là vật chất, còn thọ, tưởng, hành, thức là bốn thứ tác dụng của tâm. Thọ chính là năng lực cảm thọ của khổ, lạc, ưu, hỷ; tưởng chính là năng lực của tư tưởng hoặc của tưởng tượng; hành đây chính là hành vi tâm lý của tạo tác thiện ác; thức chính là năng lực biện biệt hoặc năng lực phán đoán. Hiện tại ở nơi phương diện vật chất để xem, thân thể của các người không ngoài là da lông xương thịt máu huyết, nếu như đưa đến nhà hóa học thí nghiệm để hóa học phân tích, thì kết quả đều là một đám lớn nguyên tử như than củi, khí dưỡng (Oxyhydro), chất đạm (Nitrogen), Lân (Phocphorium), giáp (Kalium), thiết vân vân. Thân thể của các ông là như thế, thân thể của tôi cũng là như thế, cho đến thân thể của các động vật trên thế giới thấy đều như thế cả. Tôi luôn luôn không thể nói trên thân tôi chắc chắn toàn là nguyên tử và trên thân của các ông có cái gì là không giống, cho nên phân tích từ phương diện vật chất, tôi và mọi người và tất cả động vật thật tại tìm kiếm không ra chỗ nào là không giống. Trở lại nói từ phương diện tinh thần, Mạnh Tử sớm đã nói qua: “Tâm trắc ẩn, mọi người đều có; tâm xấu hổ mọi người đều có; tâm thị phi, mọi người đều có; tâm nói lời nhún nhường, mọi người đều có”. Đây chính là nói người người đều có đầy đủ bốn thứ tinh thần tác dụng của thọ, tưởng, hành, thức, đều không phân biệt. Trở lại suy cứu đến động vật, mặc dù sự tác dụng của

tưởng, hành, thức, không mạnh như loài người, nhưng cảm tình của thọ khổ và lạc thì hiển bày dễ thấy. Từ các động vật cao đẳng cho đến các động vật hạ đẳng, đều biểu thị tham sống sợ chết, tâm tình tránh khổ theo vui. Cho nên Kinh Phật nói tất cả hữu tình đều đầy đủ Phật tánh, bình đẳng không hai. Nhưng mà chúng ta thiên lệch chỉ chạy theo năm uẩn tập hợp trên thân thể đây, vọng khởi chấp trước các ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã sân vân vân, đem người cùng ta đối đãi với nhau, xem ta và người tuyệt nhiên không đồng nhau, đối với giả ngã này thì kiệt sức cung phụng, chỉ e không đủ khả năng, vì mỗi chỗ mỗi mưu cầu danh dự lợi ích dồn tất cả về nơi ta, thậm chí sát hại chúng sanh không thương tiếc cũng vì ta, lấy máu thịt của chúng nó cung phụng phục vụ cho miệng của ta. Nếu như người cùng một nhà làm tổn hại đến danh dự và lợi ích của giả ngã (của ta) này, thì lúc đó họ lại gặp tâm của ta phát xuất sân hận phẫn nộ, tâm không khéo léo, không có cơ hội để toàn lực cùng người đấu tranh, nếu như lực lượng không đủ, thì lại gian trá sử dụng các thứ máy móc tinh xảo mong đợi thủ thắng. Trong người của ta nếu biết đạo thì vốn giả ngã của ta là kẻ thù không phải kẻ thù, một sớm ngộ được đạo lý này, đâu chẳng im lặng mất cười!

Kinh Phật nói: “Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không, thị danh vi giả danh, diệt danh trung đạo nghĩa” (*Các pháp do nhân duyên sanh, ta nói nó tức là không, tên nó là giả*

danh, tên diệt là nghĩa trung đạo). Hiện tại ngã mà người đời chấp, chính là pháp của ngũ uẩn do nhân duyên sanh, ở nơi tâm pháp của thọ, tưởng, hành, thức, đã tìm không ra ngã (Hiện tại Tông giáo mê tín cho ngã là linh hồn, trên văn tự tôi đã bác bỏ). Ở trên vật chất, không phải chỉ trên da, lông, xương, thịt, máu huyết không tìm ra ngã, chẳng những thế chính ở trên mỗi đầu nguyên tử lại không tìm thấy ngã. Cho nên triệt để nói ngã tướng đây chính là không, nhưng thế tục nói, thiết lập giả danh thì không trở ngại. Chúng ta chỉ cần yếu là không sanh chấp trước, không khởi ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái, xem người và ta đều một thể bình đẳng; nhưng rất tiếc, tất cả chúng sanh vì mưu cầu lợi ích riêng tư, như thế sao gọi là hành trung đạo và sao cho là thật hành đúng giáo nghĩa của Phật giáo. Trở lại nói tiến lên một bước, Phật giáo không những nói, con người không có ngã tướng, cho đến tất cả pháp cũng đều không có ngã tướng. Chỗ gọi pháp vô ngã đây, tức là chỉ cho tất cả pháp không có tự tánh, nguyên do vì tất cả pháp đều là nhân duyên hoà hợp sanh ra; tất cả pháp nếu có tự tánh hoặc thật thể, thì chưa chắc chờ đợi nhân duyên sanh. Không phải chỉ vật chất là như thế, chỗ có tất cả danh từ, tất cả học thuyết, tất cả chủ nghĩa, cũng đều như thế. Thí dụ như quốc gia, chính là do đất đai, nhân dân, chủ quyền, ba nhân tố đây hoà hợp tạo thành, bất kỳ quốc gia nào hoàn toàn mất đi một nhân tố trong ba nhân tố đây thì không thành quốc gia đó, chỉ có mỗi một nhân tố thì không thể gọi là quốc gia, nhưng nếu lia ba nhân tố đây, quốc

gia đều không có tự thể. Nhân nó không có tự thể, cho nên nói quốc gia là giả tướng do từ ba thứ đây sanh ra, lại nữa như quân trận cũng không có tự tánh, phê bình thật đấy, chẳng qua là một đám bá tánh già nua, hoàn toàn chịu huấn luyện quân sự, hoàn toàn mang lên một số quân trang. Chúng ta nếu quán sát như thế, mới có thể hiểu rõ chân tướng của sự vật, mà không bị giả tướng mê hoặc, để vọng khởi các thứ tà kiến. Từ nhận thức đây cho thấy, chính tất cả học thuyết, tất cả chủ nghĩa, tất cả một đám gọi tiếng là đoàn thể cũng đều là giả tướng đấy thôi, bên trong của chúng không có thật thể chân thường bất biến. Hiện tại có một số người mê tín chủ nghĩa, mê tín vũ lực, nhận cho là chân thật có thể dựa vào, lại đi ủng hộ lẫn lộn giả tướng ngã nhơn và ngã pháp, cho nên nơi trong Phật giáo gọi họ là “Ngu si”, nghĩa là “Có thể thương xót!”.

“Thế thì”, có người nghe xong lại hỏi vặn với tôi “Ông nói Phật pháp cũng không có tự tánh, cũng là không, là hoàn toàn giả”. Tôi đáp: “Một điểm không lầm, ông thế này là mới hiểu được Phật pháp.” Trên kinh Kim Cang sớm đã nói qua: “Sở vi Phật pháp giả, tức phi Phật pháp” (*Chỗ gọi là Phật pháp đó, tức là không phải Phật pháp*). Lại nữa nói: “Nhược nhơn ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu Bồ Đề, thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp” (*Nếu như người nói Như Lai có chỗ thuyết pháp, tức là hủy báng Phật, không thể giải thích là*

vì ta có nói pháp. Nay Tu Bồ Đề, thuyết pháp đây, nghĩa là không có pháp để thuyết, đó mới gọi là thuyết pháp”. Phật vì chúng sanh mà thuyết pháp, là nhân vì chúng sanh ngu si, chúng sanh có các thứ phiền não tà kiến, Phật liền nói các pháp dùng để đối trị chúng nó. Cho nên Phật pháp thì kiến lập trên phương diện ngu si của chúng sanh, ngu si nếu không còn thì Phật pháp cũng không.

2/- Chân nghĩa của khách quan. Thế tục cho rằng khách quan đều không rõ nghĩa, ý nghĩa theo thế tục nói, chỗ gọi là khách quan, không ngoài ba điểm: (1) Thành phần tình cảm không xen lẫn, (2) Căn cứ sự thật công nhận, (3) Căn cứ phán đoán của lý trí. Ở trên thế tục chỉ có thể thực hiện được điểm thứ ba đây và cũng thừa nhận khách quan phải như thế mới được hoàn toàn. Vấn đề khách quan chỉ có Phật giáo nói đến nghĩa mới đích thực chính xác. Còn quan niệm khách quan của thế tục thì không đủ triệt để. Như Phật giáo nói tất cả pháp xưa nay đều thanh tịnh, xưa nay đều bình đẳng; chỉ vì chúng sanh ngu si, ở nơi trong tướng thanh tịnh bình đẳng đây lại vọng thấy ngã tướng, rồi chấp cho là thật tướng. Do đó đối với chung quanh cái ngã, họ chấp cái không phải ngã chọn lấy làm ngã trung tâm. Phàm không phải ngã mà thuận theo ngã thì trở thành ngã tham ái, nghịch lại ngã thì trở thành ngã căm ghét. Chúng sanh đây là như thế, còn những chúng sanh kia đều cũng như thế cả. Cho đến tất cả pháp xưa nay vẫn thanh tịnh, xưa

nay vẫn bình đẳng, nhưng ngày nay vì hỗn trước biến động trở thành không bình đẳng. Thí dụ như ao nước mùa xuân, thanh bình như gương, bỗng nhiên lấy đá ném loạn xạ vào trong ao, trên mặt nước ao liền sanh ra vô số hình tròn đồng tâm, mỗi một tâm hình tròn dụ như một ngã tướng của một chúng sanh, từ trung tâm đây khởi lên vô số hình làn sóng vòng tròn hướng ngoại tán rộng ra, do nơi vô số hình làn sóng vòng tròn tấn công lẫn nhau, liền khiến mặt nước thanh tịnh bình đẳng, giả huyễn phát khởi giả tướng loạn động không bình đẳng. Ở trên mặt nước không bình đẳng đây, tuyệt đối không có một phần tử nước nào không chịu ảnh hưởng đến ba động của các trung tâm khác. Do thí dụ này có thể dùng suy đoán mà biết tất cả sự vật khách quan trên thế giới, đã bị chủ quan của chúng sanh tham gia xen lẫn ở bên trong, cho nên bất cứ chỗ nào gọi là sự lý của khách quan, cũng đều bị nhiều sự lý chủ quan hiểu biết sắp xếp tạo thành, hơn nữa chủ quan cũng nhờ sự giúp đỡ của máy móc trắc nghiệm được số lượng ngoài ra còn nhờ toán học để tạo ra công thức; thế là bao nhiêu sự lý của khách quan đều không thoát khỏi chủ quan kiểm chế. Từ đấy suy nghiệm ra ngã tướng khi bị tiêu diệt thì năng và sở cả hai cũng đều tiêu vong theo, rồi sau đó thuần chân lý khách quan mới có xuất hiện. Không có ngã tướng thì không có năng và sở, cũng dụ như mặt nước không ba động thì bình tịnh như gương và hiện tượng sự vật lại được gương chiếu ảnh vào một cách tự nhiên, được như thế mới cho là chân khách quan.

3/- Từ bi cùng Bác ái. Các nhà Tông giáo đề xướng nói Bác ái, nhưng các Học giả không giám thảo luận để cho hoà hợp, nguyên vì vấn đề đây là vấn đề thiên kinh địa nghĩa, chân thật không bàn luận để tước bỏ, biết vậy Phật giáo từ chối không phải chỉ không nói bác ái, mà ngược lại do chữ ái là nguyên nhân của các khổ, là nguồn gốc của sanh tử, nhưng bỏ chữ ái chỉ sợ không lợp lẹ. Thế thì cuối cùng Phật giáo nói từ bi cùng bác ái có thứ gì để phân biệt?

Đáp rằng, hai thứ đây bao hàm nghĩa tuyệt nhiên không giống nhau. Nguyên vì đã gọi là ái (*yêu*), tất nhiên phải có năng ái (*là chủ hay yêu*) và sở ái (*là nơi để yêu*), đã có năng và sở thì tất nhiên cũng phải có ngã (*ta*) và nhơn (*người*), cho ngã là năng ái (*người thì hay yêu*) và cho người kia là sở ái (*còn kẻ kia là người để yêu*). Đã thấy rõ tướng của nhơn và ngã thì đã có sai biệt. Tôi yêu (*ái*) quá nặng nơi người tôi yêu (*ái*), phần lớn người đời đều như thế, quả nhiên đây là lối thấy của kẻ thế tục; nhưng nếu nói người yêu (*nhơn ái*) rất cần nơi ta yêu (*ngã ái*), cũng không phải là thấy không thiên lệch, huống chi đã nói ái thì tất nhiên phải có điều kiện để ái, thí dụ như nói, nhân vì tướng mạo của người kia rất đẹp, học vấn cao, phẩm tánh tốt; nhưng tướng mạo, học vấn, phẩm tánh không phải là cố định, không phải là tuyệt đối, một khi biến đổi không tốt, hoặc trước mặt mọi người so sánh dở dở ương ương, khi riêng một người

so sánh dở dở ương ương, nó chính là bị người ta không yêu (*không ái*). Trở lại tiến thêm một bước nữa nói, chỗ tôi yêu, người nhà cũng yêu, tôi khi yêu liền chiếm lấy làm vật sở hữu của tôi, thì lúc đó người khác tất nhiên bị mất đi chỗ yêu của mình, nguyên nhân ta được thì người mất, người được thì ta mất, vì thế liền phát khởi tâm ganh ghét, phát khởi hành vi là sát hại, trộm cướp, dâm dục; luận về quả của nó thì có khổ về oán tắng hội (*thù ghét nhau mà cứ gặp nhau mãi là khổ*), khổ về cầu bất đắc (*hy vọng không thành là khổ*), khổ về ái biệt ly (*yêu nhau mà bị xa lìa là khổ*), ở nơi thế gian thanh tịnh liền trở thành ngũ trước ác thế. Cho nên Phật nói ái là nguồn gốc của sanh tử luân hồi, là nhân của ưu, bi, khổ, não. Ái đã là nguyên nhân nhiệm trước, mà bỗng nhiên lại được mở rộng phong phú (*bác ái*), mở rộng cho đến vô hạn, cũng không có pháp nào biến đổi nhiệm ô để trở thành thanh tịnh. Đây chính là Phật giáo không đề xướng lý do của bác ái. Lại có một câu Khẩu Đầu Thiên, gọi là “Ái trở thành địch nhân”, cũng là một nhóm nhà Tông giáo thường thường đề cập đến, kỳ thật đã xưng là địch nhân thì trong tâm của họ hoàn toàn có tướng địch, đối với tâm chỗ phát khởi tướng địch đây, chỉ có oán hận, ganh ghét, hiểm thù; chính là quyết định không được tâm sanh khởi hoan hỷ, không được tâm sanh khởi thân thương; mặc dù nó miễn cưỡng thân tương kẻ địch của nó, cũng không ngoài là tâm hư ngụy, tâm giả dối. Phật giáo lại quyết định không nói như thế, chỉ dạy chúng ta đối đãi người sau lưng não hại chúng ta, cần yếu trước

hết quán bình đẳng, không làm cho bạn tưởng mình thù địch, chúng ta không dùng đến ái tha (*yêu người khác*), chỉ có thể phát khởi tâm đại bi của đồng thể, thiết lập pháp loại trừ tâm não hại của họ khiến họ chuyển sanh tâm hoan hỷ. Như thế mới là Phật pháp. Cho nên tôi lại đem chân ý của từ bi xin giới thiệu phổ biến đến mọi người cùng đọc.

Phật giáo đối với hai chữ từ bi giải thích, từ là cùng vui, bi là trừ khổ. Từ bi không phải là dùng cái ngã làm trung tâm mà phát khởi, chính là kiến lập nơi phương diện tương bình đẳng của tất cả chúng sanh. Đây là từ bi cùng bác ái tuyệt đối chỗ không giống nhau. Trên văn Kinh đã nói qua, từ trên phương diện vật chất để nói, tất cả chúng sanh đều đồng một thể, tuyệt đối không sai biệt; từ trên tinh thần mà nói, tất cả chúng sanh đồng đủ tâm thức, mà vả lại tinh thần không giới hạn có thể phân biệt được, càng đủ biểu tượng rõ một thể bình đẳng của nó, cho nên trong Phật giáo lại xưng từ là từ bình đẳng, như vô duyên từ và bi là bi đồng thể. Chúng ta như khi luyện tập quán từ bi, trước hết nên quán tất cả chúng sanh (liên kết với ngã cùng ở trong) đồng một thể bình đẳng, như thấy chúng sanh nhu cầu cái gì thì ta liền tùy theo phần (*phần quà*) tùy theo sức (*khả năng*) cung cấp cái đó cho họ, khiến họ đạt được đầy đủ và khoái lạc. Đây lúc ta thí xả nơi chúng sanh, nhất định không thể còn cái ngã để làm năng thí (*làm người bố thí*) tưởng người kia là sở thí (*người kia là kẻ nhận sự bố thí.*), khoảng cách của

hai (*của năng và sở*) cũng không còn tưởng đến tài vật nhiều ít để thí xả, như đây thì không phát khởi ngã mạn, không cầu danh dự, không mong báo đáp, không duyên tất cả tướng, đó mới là chỗ gọi vô duyên từ, bình đẳng từ. Như thấy chúng sanh có khổ gì liền thực hiện tư tưởng đồng thể, nghĩa là chỗ họ thọ khổ thì chỗ ta cũng thọ khổ, không có họ thì ta không phân biệt, liền khi đó ta hưng khởi tâm đại từ, tùy phần tùy sức diệt trừ thống khổ của họ. Ngay lúc ta cứu khổ chúng sanh, ta cũng không thể còn ngã tướng như tướng, không cầu danh dự báo đáp, không trụ tất cả tướng, đây mới là chỗ gọi đồng thể đại bi.

Sau khi lý luận đại từ bi đây rõ ràng, tự nhiên ta không đồng ý sát hại chúng sanh để cung phụng miệng và bụng của ta, tự nhiên ta không đồng ý lấy phần tài vật phi pháp để ta tiêu pha lãng phí, tự nhiên ta không đồng ý tham ái mỹ sắc để khởi tâm tà dâm. Nhân vì chúng ta đã giác ngộ gà, vịt, heo, cá, cùng với chúng ta đều không phải là hai thể, tiền, tài, mỹ, sắc cũng không phải ngoài tâm riêng có, năng tham và sở tham, cả hai không thể đạt đến được, mà chúng sanh sở dĩ phạm sát đạo dâm đây, nói chung là do “ngu si” mà thôi. Lại nữa chúng ta như sau khi lý luận từ bi đây rõ ràng đối với Bồ Tát Quan Thế Âm rất nhiều sự tích cảm ứng, cũng không nhận đó làm mê tín, cũng không công kích cho là mê vọng viễn vong, nhân vì chúng ta đã biết đạo lý bản tánh của pháp thân Bồ Tát cùng chúng ta đều là một thể bình đẳng; chỉ là một thể, cho nên ta có chỗ cảm

thì kia có chỗ ứng, nhưng tất nhiên phải có tâm đầy đủ chí thành khẩn thiết mới được, nếu không thì bị tham dục phiền não làm chướng ngại, khiến cùng bản thể không dễ tương ứng. Nếu Bồ Tát cùng các chúng sanh bản tánh không phải là một thể, đều chiếm lấy không gian nhất định, thì Bồ Tát liền không thể tùy duyên ứng hiện, mà lại còn phiền không vãng lai cứu ứng thù thắng, lúc đó một tiếng hiệu Phật, ngay lập tức cùng nhau ném vào khoảng không.

4/- Phân biệt thiện ác. “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” (*các điều ác chớ làm, các điều lành nên làm*), hai câu nói đây đưa trẻ ba tuổi cũng đều đắc đạo. Có thể hai câu nói đây đúng là tiêu chuẩn của Phật giáo chuyên dùng, các Tông giáo khác cũng đều nói như thế, nhân đó một nhóm người không cầu giải thích sâu, liền căn cứ nơi tám chữ đây nói, tất cả Tông giáo đều là tốt cả, đều là cần người làm thiện. Ở nơi đầu não khoa học có hoan hỷ phân tích tinh tế, có người xem đến không hoan hỷ tùy ý ấu trĩ cho là không đơn giản như thế. Chúng ta đầu tiên cần hỏi: các Tông giáo đối với định nghĩa thiện ác như thế nào, tiêu chuẩn thiện ác như thế nào, mục đích khuyên người hành thiện, đình chỉ việc ác là gì?

a,- Quan hệ nơi định nghĩa thiện ác, các Tông giáo đều không có một định nghĩa nào, có chỗ cho lễ bái tổ tiên là ác, mà Phật giáo và Nho giáo thì cho là thiện. Có chỗ cho các động

vật là do ông chủ tạo vật đặc biệt tạo ra để cung cấp cho nhơn loại ăn, giết chúng nó, ăn chúng nó đều không tính là ác. Có người chủ trương chỉ ăn riêng các thứ động vật mà nên ăn, ngoài ra không nên các thứ động vật khác không cần thiết và ăn như thế là tính không có tội. Ở nơi Phật giáo thì cho sát sanh bất cứ động vật nào đều cũng là ác.

b,- Quan hệ nơi tiêu chuẩn thiện ác, các lời dạy cũng không đồng nhất, phần lớn căn cứ nơi lời dạy của các giáo chủ lập ra các giới điều, nếu phạm là ác; nhưng ở nơi Phật giáo thì phân chia rất vi tế, nơi tại gia thì có tiêu chuẩn của tại gia, nơi xuất gia thì có tiêu chuẩn của xuất gia, riêng Bồ Tát Giới cùng Tỳ Kheo Giới tiêu chuẩn lại có chỗ không giống nhau. Ở tại gia người phạm hoàn toàn không tính là ác, còn người xuất gia nếu phạm thì lại hoàn toàn cho là ác; còn có chỗ giữa tỳ kheo giới nếu như phạm hoàn toàn không tính là ác, còn giữa Bồ Tát giới nếu như phạm hoàn toàn cũng không tính là ác.

c,- Quan hệ nơi mục đích hành thiện ngăn ác. Các lời dạy cũng đều không giống nhau, có chỗ là cầu sanh Thiên đường, có chỗ là hy vọng thành Thánh thành Hiền, mà Phật giáo thì chỉ cầu giác ngộ chánh chân bình đẳng vô thượng, mà không cầu được phước báo nhân gian thiên thượng. Do đây xem lại,

luận hai chữ thiện ác, chính như một nhóm người hoàn toàn tưởng tượng đơn giản như thế.

Phật giáo luận đạo lý thiện ác, nói rất được tinh tế. Nói đến thiện thì có phân chia hành thiện và chỉ thiện, có phân biệt hữu lậu và vô lậu. Hành thiện là chỉ cho thiện thuộc tích cực, Chỉ thiện là chỉ cho thiện thuộc tiêu cực; hữu lậu thiện là chỉ cho phiền não xen lẫn không triệt để mà trong đó có thiện hữu lậu, còn vô lậu thiện là chỉ cho thiện được hoàn mỹ triệt để không có chút phiền não. Người đời đối với thiện ác phần lớn đều phân biệt không thanh tịnh, cho nên một nhóm người thường nói: “Tôi chỉ bằng lương tâm hành sự, tự hỏi nơi tâm không xấu hổ, xưa nay không làm việc ác”. Kỳ thật lời nói đây không triệt để, căn cứ theo giáo nghĩa (liễu nghĩa giáo) triệt để của Phật giáo nói, họ và mình tuy đã nói không làm việc ác, đúng ra sáng sớm cho đến chiều tối, thời khắc nào cũng không lìa khỏi ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái, tất cả mọi việc đều mưu tính làm cho riêng mình được lợi ích. Còn các thứ chủng tử phiền não thống khổ đối với họ, gọi là lương tâm, chính là hư vọng phân biệt của sáu Thức, cũng chính là theo Phật giáo gắn cho tên Lục Tặc, sáu thứ giặc này chuyên môn cướp đoạt gia bảo của họ, họ sớm đã trầm luân nơi trong thâm sâu mê muội, nhận giặc làm con, hằng ngày tạo ác, hằng giờ tạo ác mà không tự biết. Cho nên mỗi cá nhân con người cần yếu ngăn điều ác và làm điều lành, tất nhiên trước hết phải minh bạch chân nghĩa

của thiện ác, rồi sau đó mới biết chỗ thủ (*chọn lấy*) và xả (*buông bỏ*). Cần minh bạch chân nghĩa của thiện ác, tất nhiên trước hết phải quán bình đẳng của Phật giáo cho được rõ ràng. Đã biết rõ quán bình đẳng của Phật giáo, chúng sanh là bình đẳng, không có năng và sở, không có nhờn và ngã. Chúng sanh nhân vì ngu si, ở trong không có năng và sở vọng thấy năng và sở, ở trong không có nhờn và ngã vọng phân biệt nhờn và ngã; do thấy ngã đây liền sanh tâm ngã mạn, cho ngã là trọng yếu đi so sánh với mọi người, cho ngã là đáng yêu đi so sánh với mọi người, liền tận lực chiếm lấy các thứ vật chất có thể hưởng thụ, cung phụng nơi “Ngã”, đây chính là đầu mối phát khởi tạo ác, chỗ gọi là mười ác nghiệp, gồm có: tham, sân, si, sát, đạo, dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ, cùng với các thứ phiền não tà kiến đều từ đây sanh ra. Cho nên triệt để nói, mỗi khi chỉ cần thấy còn ngã, không luận đối với người đối với ta lợi hại như thế nào, cùng đây thấy tương ứng với tất cả tâm lý và hành vi đều là ác nghiệp; ngược lại nếu không thấy như đây thì tất cả hành vi đều là thiện nghiệp. Mới đây trong Phật giáo đối với định nghĩa thiện ác triệt để chỉ bày lý do, nguyên nhân chúng sanh từ vô thủy đến nay chứa nhóm thâm trọng thiện ác, đức Phật vì thương chúng sanh cho nên mới phương tiện nói pháp, liền dựng lên các thứ tiêu chuẩn giúp cho các chúng sanh theo thứ tự lần lượt tu tập. Cho đến giáo dục nơi các người khác đức Phật cũng không cho làm ác sát hại động vật, nhưng vì có số người của họ chủ trương cho rằng, các động vật có sanh

mạng nhưng không có linh tri, hoặc họ nói đấng tạo vật sanh ra động vật cung cấp cho con người ăn dùng. Họ sở dĩ chủ trương như thế vì không rõ chân lý, cho nên họ trở thành tà kiến, nguyện xin cho họ chớ bị mê hoặc. Lại nữa họ giáo dục tín ngưỡng nhất thần hoặc đa thần cho là thiện, họ tin họ sẽ được phước sanh lên trời, còn kẻ không tin sẽ bị tội vào địa ngục. Riêng Phật giáo xem lại cho tín ngưỡng thần quyền là trái với tánh bình đẳng, là ác chớ không phải thiện, so cùng với tín ngưỡng Phật tánh bình đẳng của Phật giáo dĩ nhiên tuyệt đối không giống nhau. Lại nữa Phật giáo bình luận thiện ác đều từ nơi tâm địa phát xuất, không trọng sự tướng, so cùng thế gian chỉ trú trọng sự tướng cho nên không giống nhau. Thí dụ như riêng xem người nhà đánh đập người, chưởi mắng người, không đủ để định thiện ác, tất nhiên phải xem trở lại tâm của họ còn như thế nào, rồi sau đó mới quyết định. Nếu cho họ lợi ích thì sự đánh đập chưởi mắng thuộc về hành thiện, nếu cho mình có mưu đồ lợi ích thì mặc dù kính lễ người trên nhưng vẫn là ác, hơn nữa còn đánh đập chưởi mắng. Căn cứ nơi Bồ Tát Giới Bốn, người đã giữ giới Bồ Tát, như đã phá trừ ngã kiến, nhưng vì lợi ích cho chúng sanh, mặc dù hành động các việc như sát sanh, trộm cắp, dâm dục cũng không tính là ác, mà ngược lại chính là thiện. Thí dụ như Trung Quốc có một lần mộ quân, kẻ tham tài háo chiến, khiến vô số nhưn dân mất của tan mạng; còn người giữ giới Bồ Tát, lại không thể khoanh tay ngồi nhìn, nên ra sức đem trí tuệ của nó tham gia mộ quân này, mặc dù

nó sẽ sát hại nhưng luận đến cũng không phạm giới sát, lại còn được công đức lớn. Do đây chứng minh Phật giáo thế này là tích cực, là Tông giáo hợp lý.

IV.- QUÁN NHÂN DUYÊN CỦA PHẬT GIÁO.-

Quán bình đẳng của Phật giáo là chỉ quán bản thể Phật tánh chân như bình đẳng (*Chân thật không hư vọng; như là như thật không biến đổi*), quán duyên sanh là chỉ quán các thứ hiện tượng tâm vật đều nương nơi bản thể mà vọng hiện. Hai thứ quán niệm đây hiệp lại làm một. Nó chỉ nói tất cả pháp đều duyên sanh, cho nên nói tự tánh vốn không; nguyên vì tự tánh vốn không cho nên nói tất cả pháp đều bình đẳng. Nếu nói các pháp thật có thì các pháp đều sai biệt, cho nên pháp đây và pháp kia không thể biến hoá dung thông lẫn nhau, thì làm sao có thể bình đẳng được? Cho nên quán nhân duyên của Phật giáo là giải thích vạn hữu vũ trụ có một cơ bản lý luận là mỗi thứ đều biến hoá, còn các thứ lý luận khác so với đây không cùng chung hài hoà. Hiện đại khoa học dần dần phát triển, có thể chứng minh duyên sanh luận không sai lầm. Nơi khoa học chưa phát đạt trở về trước đối với sự sanh khởi biến hóa của vũ trụ như sanh, có các thứ thuyết pháp, nếu đem chỗ phê phán công nhận luật nhân quả của Khoa học và Phật giáo thì tất cả đều thuộc về hoang đường, đều thuộc về tà thuyết không hợp

lý, nay chọn vấn đề đây làm thông hành cần thiết trên hết được kể nó như ở bên trái:

A.- Ngược lại sâu xa trở về trước, vấn đề luật nhân quả đã được khảo sát nhận thấy đều thuộc về loại tà thuyết. Thứ tà thuyết đây có thể phân làm bốn loại như: Vô Nhân Luận, Bất Bình Đẳng Nhân Luận, Định Mệnh Luận, Cơ Giới Luận:

1,- Vô Nhân Luận: Vô Nhân Luận là một thứ lý thuyết tầm thường ngu si vô tri, ở trên lý luận thì không thể thành lập. Giả sử tất cả sự vật đều sanh ra không có nguyên nhân thì làm thế nào trong cái không kia chưa có đầu mối gì mà sao lại sanh ra nhiều thứ nào là vàng bạc tài vật quý báu? Nếu được như thế chúng ta cần gì phải nỗ lực đi kinh doanh các thứ sự nghiệp? Có một số người cứ việc ngồi không ăn rồi để chờ đợi thành công, kết quả nuôi dưỡng thành những hạng người tật xấu chỉ biết lười biếng trộm cắp và mặc kệ phó thác cho vận mệnh chi phối, thí dụ như loại người chuyên môn sống nghề cờ bạc, nghề bán vé số, ngồi hưởng phiếu thưởng trợ cấp, vân vân, họ đều từ nơi tâm lý sanh ra. Sở dĩ họ chủ trương như thế là vì có nguyên nhân, họ cho các thứ sự vật trong thế gian trở thành lý do là chỗ họ có thể kiếm ra tiền mà họ không phải là người sống cầu thả, nổi trôi, kìa xem họ biểu hiện ở mặt ngoài cũng hảo tướng và họ có rất nhiều việc ngẫu nhiên phát sanh giúp họ, ngoài sự tưởng tượng. Kỳ thật mỗi một sự vật sở dĩ sanh

diệt tương tục đều nương tựa nơi phép tắc nhân quả. Chẳng qua nhân quả vật chất so sánh đơn thuần, dễ dàng phân biệt; chỉ riêng không giống nhau ở chỗ như sự đều là sắc tâm hỗn hợp, vì thế mỗi lần họ chịu đựng việc gì thì đã thêm vào cho họ nhân tố tâm lý, lúc đó nhân quả của họ lại biến chuyển phức tạp phi thường, đã kéo quá dài thời gian. Có nhiều thứ nhân đi xuống để trả quả về sau, thường thường không thể một đời có thể sanh được quả, thậm chí hoàn toàn phải cách mấy mươi đời về sau, mới gặp duyên để phát sanh ra quả. Ví như một loại sự việc, ở nơi người chưa được túc mạng thông xem đến, lẽ đương nhiên không tìm ra nhân của nó xuất hiện, vì không tìm ra nhân của nó cho nên họ mới tuyên bố sự kiện đây là không có nguyên nhân (vô nhân). Chúng ta đã theo vật chất để biến hoá, tuy biết nhân quả quan hệ thì cũng biết sắc tâm hỗn hợp sự vật tất nhiên nhất định có phép tắc của nhân quả và quyết định không thể có ngoại lệ không hợp lý mà cũng quyết định không thể một nhân khi tìm không ra nhân của nó rồi tùy tiện đoán định cho là không có nguyên nhân (vô nhân), nếu không thì tất nhiên sa vào thứ luận đoán các thứ sai lầm.

2.- Bất Bình Đẳng Nhân Luận. Bất bình đẳng nhân luận nghĩa là luận bàn chỗ nguyên nhân không bình đẳng, chính là nói đến nguyên nhân có khả năng sanh ra vạn pháp, chỉ có nguyên nhân đây ngoài ra không có nguyên nhân nào khác có thể sanh ra vạn pháp và nguyên nhân đây không cùng bình

đẳng với vạn pháp, cho nên gọi là bất bình đẳng (*không bình đẳng*). Trong luận nhân không bình đẳng đây, có chủ trương một nhân sanh ra thì phạm phải một nhân đó không thể dung thông với nhau. Như hiện tại có nhà Tông giáo nói có một chủ tạo vật vạn năng có thể tạo ra con người, vạn vật chim, thú, mặt trời, mặt trăng, hành tinh, núi sông, cỏ cây, vân vân, như thế chủ tạo vật đây chính là một nhân nằm trong nhân không bình đẳng. Nếu chủ tạo vật đây không cần người khác tạo dựng thì vạn vật người khác làm sao có thể sử dụng? Lại nữa chủ tạo vật đã tạo ra những thứ gì? Nếu nói tạo ra đầy đủ dục lạc cho chính mình thì cố sao lại tạo ra ma quỷ, địa ngục, các thứ xấu ác có thể khiến cho khắp nơi đều chán ghét? Nếu nói chủ tạo vật hoan hỷ việc làm này, như thế chủ tạo vật đây lại trở thành chủ của tội ác. Lại nữa chủ tạo vật nếu quả chân thật đúng như lời nói là vạn năng thì đáng lẽ phải tạo những nhơn vật xứng đáng đẹp đẽ, đoan trang, phước đức, trí tuệ và không nên tạo thế giới hoàn toàn muôn ác, rồi sau đó lại đi cầu cứu người khác chuộc tội thay cho mình. Trên thực tế, chủ tạo vật tạo ra những thứ không ra gì thì không thể cho là vạn năng; nếu chủ tạo vật cố ý tạo ác thì đối với những tội ác kia không thể nổi giận. Cho nên kẻ luận đạo nói một nhân có khả năng sanh ra vạn pháp, xét trên lý trí là không đúng chỗ.

Nơi Khoa học từ lâu đã từng ngộ nhận cho nguyên tử quá nhỏ mà không thể phân chia ra đơn vị, nhưng trên thực tế, thực

chất của nguyên tử có thể phân chia ra nhiều đơn vị như, chung quanh một nguyên tử có thể chia ra gồm có chín mươi hai loại (92 loại), đây là nguyên nhân của tất cả vật chất và đây cũng tức là Đa Nhân Luận nằm ở trong nguyên nhân không bình đẳng. Không bao lâu học thuyết Đa Nhân Luận liền bị thủ tiêu. Rồi từ Đa Nhân Luận lại trải qua biến đổi thành Nhất Nhân Luận, nghĩa là từ nguyên tử tiến dần lên trở thành điện tử, ở đây họ chấp trước cho điện tử là đơn vị quá nhỏ, là thể của chân thường không biến đổi. Không dừng bước họ tiến lên từ điện tử tìm ra năng tử, tức là năng lực và cho năng lực là nguồn thể của vật chất thường trụ không bị hoại diệt, rồi cũng có thể cho vật chất biến đổi thành không phải vật chất. Chẳng những thế cũng từ trước họ cho năng lực cùng vật chất là hai gia tộc, nhưng hiện tại mới biết đạo lý nguồn gốc là người một nhà, nghĩa là năng lực vật chất chuyển hoá thành năng lực tâm linh, nguyên vì tâm linh cũng là năng lực. Từ đây các nhà Khoa học tự động thủ tiêu Nguyên Nhân Luận bất bình đẳng và hoàn toàn quy về nơi Luật Nhân Quả Bình Đẳng của Phật giáo.

3.- Định Mệnh Luận: Luận đây cho là tất cả sự vật đều do tiền định, hoặc do thiên định (*do Trời định*), sức người không thể cưỡng lại được, kết quả khiến người chạy theo tiêu cực không có trách nhiệm, như phái Thiên Lạc của nước ta thuộc loại này. Mệnh lý thông hành của nước ta, nếu quả thuộc về định lý, tức là trở thành Định Mệnh Luận (*Luận thuyết về Trời*

định), nếu không phải là Thiên mệnh thì suy đoán để làm gì? Cần yếu phải biết thứ nguyên nhân mặc dù nguyên nhân ở đời trước (tiền sanh), nhưng duyên đã hợp thì quả kết sanh ra ở đời nay (*hiện sanh*), tiền sanh mặc dù thứ nhân ác, nay sanh nếu có thể chuyên cần làm các việc thiện thì không có duyên cũng không thể sanh ra quả ác, như sanh tâm sám hối tạo ra Nghịch Tăng Thượng Duyên (*tạo Duyên đối nghịch tăng trưởng*) thì đối với nhân ác trước kia cũng có thể tiêu diệt ác quả. Rõ ràng đối với vấn đề định mệnh đây đã từng đích thân nghiên cứu, lúc đầu tất cả sự vật xác thực như nhà Mệnh Lý (*Nhà xem số mệnh*) dự đoán, nhưng tự mình đến Thiền sư Vân Cốc thì mới hiểu rõ về nguyên lý này, rồi sau đó liền lập chí cải biến Túc Mệnh (*số mệnh đời trước*), chuyên cần thực hành các điều thiện, kết quả đều tốt đẹp rõ ràng như dự định, có thể tham khảo “Liễu Phàm Tứ Huấn”. Thế nên chỗ gọi Định Mệnh Luận, nghĩa là trong định thật có không định, như có thể thông suốt Duyên Sanh Luận của Phật giáo, tự nhiên không còn bị lôi cuốn vào mê tín về mệnh lý và không bị rơi vào tiêu cực. Huống hồ họa phước vốn do tự mình tạo ra, nên theo đạo lý hướng về điều tốt và tránh xa điều xấu, không cần phải cầu khẩn nơi ngoài. Chính như hiểu rõ tội phước vốn không, mặc dù cần tu phước đức, nhưng không tạo tư tưởng phước đức thì tất nhiên thay đổi được bước lên một tầng lầu.

4.- Cơ Giới Luận. Cơ Giới Luận gọi cho đủ là Cơ Giới Duy Vật Luận. Các nhà triết học của phái này cho là tất cả con người và sự vật đều biến hoá, đều chịu duy truyền và ảnh hưởng hoàn cảnh của các thời đại. Họ nhận thức cho tâm là hiện tượng biểu hiện của vật chất, cho nên tất cả nhân tố biến hoá chỉ là vật chất cùng thời gian mà thôi. Căn cứ nơi đây mà luận, nếu có người ở cùng một thời đại, sanh trưởng cùng trong gia đình giống nhau của La Tư Phước, cùng lớn lên từ thời thơ ấu, cùng La Tư Phước hưởng thọ sinh hoạt vật chất giống nhau, người khi đến Mỹ Quốc rồi cũng sẽ thành dân nước Mỹ, làm Đại Tổng Thống, và còn làm ra sự nghiệp vĩ đại giống nhau. Lời nói đây có liên can giống nhau từ nơi xe hơi, nào phụ tùng tài liệu lắp ráp đều thành công giống nhau, lại nữa nhãn hiệu được thành công và có công dụng giống nhau, đồng thời cũng có ý nghĩa giống nhau, nhờ đó cho nên gọi là Cơ Giới Luận. Đây là trực tiếp đem con người và sự vật trong vũ trụ tha hồ biến hoá theo phương pháp khoa học được áp dụng vào cơ giới phát triển giống nhau.

Nơi Phật giáo xem đến, vật chất quả nhiên là nhân tố, nhưng tâm cũng là nhân tố rất quan trọng. Vật chất cố nhiên có khả năng dẫn khởi tâm tác dụng, nhưng tâm cũng có khả năng dẫn khởi vật chất biến hoá. Lý luận của Cơ Giới Luận là căn cứ nơi định luật vật chất thường trụ của cựu Vật Lý Học, Bang hội nhà Vật Lý Học đây nếu có thể đọc đến Vật Lý Học hiện

đại, họ tất nhiên kính sợ, khi xem tác phẩm trước tác của Hội Lập Khắc Bả Tha đã tặng vào trong Bích Lô, trở lại xem qua Đầu Yếu Nã Bản Phật Kinh thì sẽ rõ. Nhân vì hội Khoa Học Gia hiện đại báo cho họ biết, vật chất có thể dùng năng lực biến thành không phải vật chất, mà năng lực lại dùng thời gian và không gian làm nhân tố trọng yếu, nhưng thời gian lại không hoàn toàn khước từ thoát ly nhân tố của tâm, nơi đây suy ra liền biết không phải chỉ có năng lực vật chất là một nhà, mà vật chất cùng với tâm thử xem lại làm sao không phải là người của mình? Cơ sở của Cơ Giới Luận đã bị lật đổ, tự họ cũng không chắc tạo chi tiết trở lại để bác bẻ.

Bốn thứ tà thuyết trên theo kinh Phật đều được gọi là Biến kế sở chấp, dụ như lông rùa sừng hổ, hoàn toàn không thể được. Nếu tin nhận những thuyết này liền bị các thứ tệ hại: (a)- Khiến người đối với sự nghiệp chỗ làm của người khác không tự chuyên tâm, không cảm nhận trách nhiệm, đem đến lỗi lầm thất bại, rồi quy về các nơi như, vận mệnh, thiên thần, và hoàn cảnh xã hội; một sớm thành công thì lại cho đây là công của mình, rồi cho đây một nhân sanh ra mà người khác không được tranh công.

(b)- Khiến người chỉ biết tích cực mở rộng tham dục, mà không tích cực phục vụ xã hội. (c)- Khiến người đối với người thiếu tâm từ bi, nuôi dưỡng thành ngã mạn tự cao, tranh đoạt tâm lý

háo chiến. Muốn khỏi tệ hại đây thì chỉ có tin nhận có muôn vạn luật nhân quả của Phật giáo.

B.- Vạn Hữu Nhân Quả Luật. Luật nhân quả của Phật giáo sử dụng thích hợp nơi tất cả sự biến hoá của vật chất, tâm biến hoá thì tâm và vật hỗn hợp nhau biến hoá. Từ chúng sanh cho đến thành Phật, từ thế gian cho đến xuất thế gian, đều chịu chi phối của định luật đây, cho nên nổi tiếng là Vạn Hữu Nhân Quả Luật. Gọi tắt là Nhân Quả, gọi cho đủ là Nhân Duyên Quả Báo. Nhân là chủ nhân, duyên là trợ nhân, do nhân và duyên hòa hợp mà sản sanh ra vật, gọi là quả, quả đây đối với kẻ tạo nhân gọi là báo. Trong kinh Phật có một bài kệ nói rõ hoàn toàn có ba điểm: (1)- Chúng ta tạo nghiệp là nhân, nhân đây tuy trải qua thời gian rất dài mà tự mình cũng không bị tiêu diệt, giống như định luật của động lực ngư đốn (*Ngư là trâu bò, đốn là nhọc nhằn, nghĩa là nhọc nhằn như trâu bò*), như nói vật thể thanh tịnh thì luôn luôn thanh tịnh, vật thể biến động thì luôn luôn biến động, nếu như không có sức bên ngoài thúc đẩy, cũng như không bị tự mình bên trong cải biến, ý tứ đây giống nhau. (2)- Nhân đây không luận lâu hay không lâu hễ gặp duyên thì sanh ra quả, thí dụ như vật tĩnh lặng gặp sức bên ngoài thúc đẩy thì trở nên biến động, hoặc vật biến động gặp sức bên ngoài chuyển hướng hoặc đình chỉ hoặc thêm tốc độ. (3)- Tự tạo nhân thì tự thọ quả, tất cả họa phúc đều do tự gây mà không phải do thiên thần thưởng phạt, cũng quyết định

không phải tự mình tạo nhân rồi người khác thọ quả, người khác tạo nhân rồi mình lại thọ quả, như nhà người khác đi dạy bảo nhà người này. Luật nhân quả của khoa học cũng giống như định luật nhân duyên quả báo đây của Phật giáo: “Giả sử trăm ngàn kiếp, chỗ tạo nghiệp không mất, nhân duyên khi gặp nhau, quả báo liền tự nhận”. Một bài kệ đây thuyết minh bao quát ở trong luật vạn hữu nhân quả nhưng không qua khoa học và khoa học chỉ giảng phép tắc nhân quả của vật chất cùng vật chất; tiến thêm một bước nữa đến vấn đề như sự hoặc nhân tố của tâm, tức là không trở lại nghiên cứu về trước, cho nên vấn đề nhân quả của khoa học thì quan hệ rất đơn giản. Thí dụ như đem một đoạn đồng tuyến (*một đoạn dây điện*) ở trong từ trường di động, cắt bỏ lực tuyến nam châm thì trong đồng tuyến dây liền sanh ra điện thế. Chính đây giảng về sự biến hoá của vật chất, đồng tuyến là chủ nhân, động lực cùng lực tuyến nam châm là trợ duyên, điện thế là quả, nhân đồng tuyến là vật vô tình, nên không gọi là báo. Nếu không đồng tuyến thì điện thế chung cuộc không thể được, cho nên đồng tuyến là chủ nhân, chỉ có hoàn toàn đồng tuyến không có động lực thúc đẩy nó chuyển động, không có lực tuyến nam châm nhường nó để cắt đứt thì điện thế không thể phát sanh, cho nên động lực và từ trường là duyên. Có nhân đây, có duyên đây, thì tất nhiên sanh ra quả, trăm phần không mất một, cho nên gọi nó là luật nhân quả. Nó chỉ có một quy luật nhất định, cho nên chúng ta mới có thể dự bị thiết kế trước, chế tạo ra các máy phát điện, nếu

không thì không thể tạo thành, rồi tất nhiên sẽ nghe theo các thứ vận mệnh, hoặc cầu nơi thiên thần. Nguyên vì có luật nhân quả đây cho nên thực nghiệp của các thứ công nông có thể thành lập. Thứ học gạo nông phu được gạo, thứ đậu được đậu, xưởng kéo chỉ sợi để kéo bông vải làm nguyên liệu, cộng thêm dùng công nhân cơ khí chế tạo thành chỉ sợi bông vải, xưởng bột mì để làm mì nguyên chất, cộng thêm dùng công nhân cơ khí chế tạo thành bột mì, tất cả đều là nhân quả phân minh rõ ràng. Vật cùng vật quan hệ nhau như thế, tâm cùng vật và tâm cùng tâm không phải là không quan hệ như thế, hướng hồ tâm và vật là cùng một thể, suy ra để khai triển nó thì lý của nó không sai lầm.

Chỉ có Phật giáo mới giảng sắc và tâm quan hệ nhân quả, so sánh tiền lệ xa hơn nữa cho là phiền phức, thế nên đối với ba thứ nhân, duyên và quả phân tích rất là tinh tế sâu xa, nay chỉ nói đại lược, muốn biết tinh tường về nó xin nghiên cứu kinh luận Tướng Tông. Kinh Phật nói nhân có hai thuyết, sáu nhân và mười nhân, sáu nhân là của Câu Xá Luận, mười nhân là của Du Già Luận, cả hai đều là đem phạm vi của nhân mở rộng bao quát gồm có duyên ở trong. Phân loại quan hệ nơi duyên, Kinh Trường A Hàm phân làm bốn loại: (1) Nhân Duyên, (2) Đẳng Vô Gián Duyên, (3) Sở Duyên Duyên, (4) Tăng Thượng Duyên, đây là phân loại nhân duyên của Đại Thừa và Tiểu Thừa đều công nhận. Kinh Phật văn Pali thì phân

loại rộng hơn gồm có hai mươi bốn duyên, chính là đem hai duyên trong 24 duyên là Đẳng Vô Gián Duyên và Tăng Thượng Duyên khai triển thành. Dùng 24 duyên đây nói rõ tên sâu xa cùng tâm quan hệ, tâm cùng tâm quan hệ, tâm cùng tâm sắc quan hệ, tâm cùng thân quan hệ, thân cùng tâm quan hệ, thể tâm sắc hỗn hợp cùng tâm sắc hỗn hợp quan hệ, rất là tinh tế. Nay chính đem bốn duyên phổ thông để nói:

(1) Chỗ gọi Nhân Duyên tức là chỉ cho nhân chủ. Đây chính là nói vật chất, bông vải là nhân chủ của sợi tơ vải, vì bông vải làm nên sợi tơ vải; bột mì là chủ nhân của mì nguyên chất, đồng tuyến là nhân chủ của điện trở. Giờ đây đem tâm để giảng, hoặc đem tâm sắc hỗn hợp thể để giảng, thì phàm thân, miệng, ý chỗ tạo ra hành vi, kinh Phật gọi là nghiệp, đều có thể gọi là nhân.

(2) Chỗ gọi Đẳng Vô Gián Duyên là nói Tám Thức Tâm Vương và Tâm Sở đều là sát na sanh diệt, niệm trước khi diệt, mở bày tránh xa đường đạo, dẫn đến niệm sau, như thế sanh diệt không gián đoạn, điều đây tác dụng chính gọi là Đẳng Vô Gián Duyên. Duyên đây là pháp duy tâm ban đầu có biến hoá nhưng trong vật chất không có nói đến duyên này.

(3) Chỗ gọi là Sở Duyên Duyên đây, chính là chỉ cho tâm năng phân biệt cùng đối với tướng sở phân biệt cả hai đều là

tương đối, trước đó và sau đó cũng là sở duyên, tướng của sở duyên đây tức là đối tượng trợ duyên của tâm sanh hoạt, nên gọi là sở duyên duyên.

(4) Chỗ gọi là Tăng Thượng Duyên đây, chính là chỉ cho tất cả tâm pháp hoặc sắc pháp đối với nhân chủ phát khởi các tác dụng thuận và nghịch, ảnh hưởng đến hoặc tăng trưởng của nhân, đều gọi là Tăng Thượng Duyên. Nơi trong luật nhân quả của thuần vật chất, chỉ cần yếu có nhân và hai duyên tăng thượng, liền có thể sanh quả, chỉ tâm pháp và sắc pháp hỗn hợp trong pháp, thì tất nhiên phải cụ bị bốn thứ duyên vừa nói trên. Do đây các thứ nhân và duyên hòa hợp nhau liền sanh ra quả, cộng chia năm thứ: Dị Thục Quả, Đẳng Lưu Quả, Ly Hệ Quả, Sĩ Dụng Quả, Tăng Thượng Quả. Điều này thấy rõ trong Câu Xá Luận và Thành Duy Thức Luận.

Chiếu theo lời giảng trên kinh Phật, hiện tại sơn hà đại địa nhật nguyệt tinh tú cỏ cây chim thú, cho đến tất cả hoàn cảnh, toàn thế giới nhưn loại, cộng đồng, nghiệp lực đều là chỗ tạo ra quả, ở đây không phải chủ tạo vật tạo ra, mà đây là thứ nghiệp nhân có ở đời trước và có ở đời nay. Thí dụ như thành phố buôn bán với nước ngoài, tại đầu tiên nhà Thanh thì không có, đến khi năm cửa Khẩu hoàn toàn thông thương, mới do các nhưn sĩ của các quốc gia và Trung Quốc hiệp lực kiến thiết cho đến nay. Các thứ vật chất kiến thiết không đơn giản là các thị

trường hoàn toàn trên Thượng Hải đều là do dân trực tiếp và gián tiếp chi phí tâm lực quá sức, chính là như dân toàn thế giới cũng đều có gián tiếp cống hiến. Thứ nhân quả đây hoàn toàn thuộc đời nay, chỉ thành quả của địa cầu phải qua ngày tháng, thì hoàn toàn thuộc về đời trước. Luật nhân quả không chịu hạn chế của thời gian, có các thứ nhân của đời trước đến đời nay gặp duyên mới thành quả, có các thứ nhân của đời trước đến đời sau mới có thể thành quả, có các thứ nhân của đời nay lập tức đời nay có thể thành quả, có các thứ nhân của đời nay phải đến đời sau mới có thể thành quả, tất cả duyên thấy đây đã cụ bị cùng chưa cụ bị để chấm dứt. Người đời thường thường ngộ nhận đời trước đã tạo nhân theo lẽ đời nay phải thọ quả báo, nhưng ngày nay họ tưởng rằng quả báo mà họ cảm thọ của đời trước lại cho là nguyên nhân mới gây tạo của đời nay, thế nên họ hy vọng ngày nay cố gắng làm việc thiện để chóng lại quả báo ác; còn người nào đó ngày nay tạo ác ngược lại mong cầu đặng phước báo, họ không biết ác báo và phước báo đã tạo nhân đời trước, đời nay nhân đó vẫn còn chưa thành quả.

Luật nhân quả đây đã nói rõ quả báo là tự làm tự thọ, mặc dù cha con cũng không thay thế được. Người đời thường nói tổ tông nhà kia tích đức, cho nên con cháu đặng phước báo, thật thì hoàn toàn không phải nghĩa đây, cần nên biết con cháu thọ phước báo chính là con cháu tự tạo, không phải quan hệ tổ đức; tuy tổ tông tích đức có thể cảm đến đồng nghiệp quan hệ lẫn

nhau, cho nên người có phước đến làm thân thuộc, đây là giải thích nghĩa hoàn toàn tuyệt đối. Hơn nữa nhân quả đây là tánh bình đẳng, nhân của năng sanh tất nhiên cũng là quả của sở sanh, quả của sở sanh cũng tất nhiên là nhân của năng sanh, nhân quả không phải cố định, đều là đối đãi để thành tựu. Như lấy nhân quả vật chất để thí dụ, sợi chỉ bông là quả của bông vải, cũng là nhân của vải bông, vải bông là quả của sợi chỉ bông và sợi chỉ bông cũng là nhân của y phục. Lại nữa dùng như sự để thí dụ, cha là con của tổ và cũng là cha của con nó, tổ thì cũng như thế, có thể suy đến vô cùng. Nên biết nhân không bình đẳng không phải chỉ không hợp với tỷ lượng mà cũng trái với hiện lượng. Từ luật nhân quả đây có thể dùng suy ra biết, như sanh tất nhiên có ba đời, tức là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Nhân là nhân quả tương tục không gián đoạn, trong luật nhân quả, không có nhân đầu tiên và cũng không có nhân cuối cùng, trước nhân lại có nhân, suy ra như thế dẫn đến vô thủy; sau quả lại có quả, suy ra như thế dẫn đến vô chung. Phật nói lục đạo luân hồi, lý của nó tức căn cứ nơi đây. Chúng ta tuy rằng không có thần thông cũng có thể chứng thấy, nhưng chỗ lý bị che nên nó nói không tin.

Hoặc nói rằng: nhân quả vật cùng vật quan hệ nhau, tính toán phân minh, người người đều biết, nhân quả vật cùng tâm quan hệ nhau, cũng còn dễ biết rõ, như tất cả vật chất đều có

thể khiến người cảm thọ khổ vui lo mừng, tâm nếu không tác dụng thì có ai khiến vật chất phát sanh biến hoá?

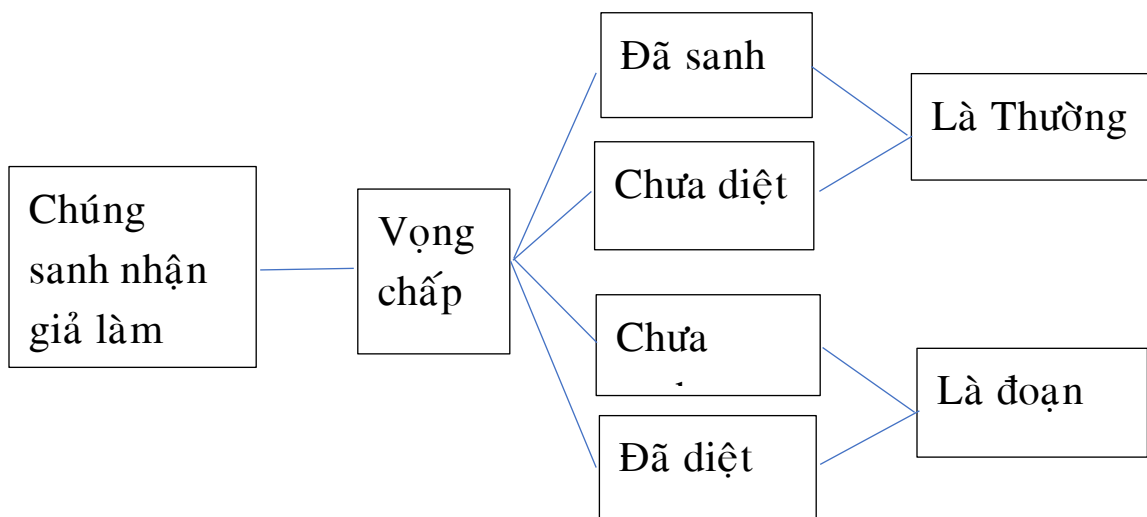
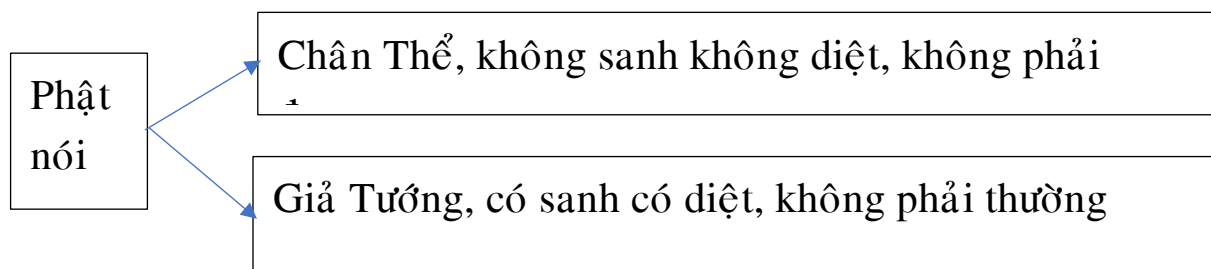
Đáp rằng: tất nhiên có, dùng tâm làm nhân để sanh ra quả vật chất, gọi là Dị Thục Quả, tất nhiên phải có thời khắc để thành thục (*để kết quả*), không phải một đời mới có thể thành thục, không dễ gì chứng biết, nhưng nếu dùng tâm làm nhân mà khiến vật chất phát sanh biến hoá, thì hiện tại phát sanh không thiếu thói quen. Thí dụ như, chúng ta nghe người nói quả mai chua, trong miệng liền phát sanh nước miếng. Lại nữa như, chúng ta leo lên núi, khi đến vách núi dựng đứng liền sợ rơi xuống, trong tâm lúc đó khởi lên một niệm nguy hiểm, chân chẳng triệt để cảm giác mỗi rời. Lại nữa, như nằm mộng gặp người nữ trong mộng liền chảy tinh ra, thử hỏi người nữ trong mộng có thật hay không? Tích xưa, Lý Quảng vào núi thấy cọp liền rút tên ra bắn, khi đến gần để xem đúng ra là cục đá không phải cọp, nhưng mũi tên vào sâu trong đá, đã biết là đá chồng chất lên nhau, mũi tên không thể bắn vào. Ngài Cưu Ma La Thập khi còn thơ ấu theo mẹ vào chùa, thấy một bát liền đùa giỡn lấy đội úp lên đầu và rồi sau đó lấy để xuống đất, khi xét kỹ cái bát to làm bằng sắt, ngài liền không đủ sức đưa lên lần thứ hai. Do đây các thứ sự việc thói quen, có thể chứng biết tâm tác dụng, cũng có thể cải biến vật chất. Nhân vì trọng lượng độ cứng của vật chất, vốn không phải chỗ thật có của vật chất, tất nhiên phải đợi Tăng Thượng Duyên của thân căn, mới

có thể khiến Thân Thức phát khởi cảm giác độ cứng của trọng lượng. Tăng Thượng Duyên đây khi phát khởi biến hoá thì độ cứng của trọng lượng, tự cũng biến khác theo, nguyên vì đá có thể biến thành mềm như thịt, thiết có thể biến thành nhẹ như ngói. Sự việc đây tuy hơi hiếm có và kỳ lạ, nhưng ở nơi Duy Thức Học nói, thật rất bình thường và thật rất hợp lý. Cho nên biết chỗ bao quát của luật nhân quả, sắc tâm và tâm sắc đều biến hoá ở trong nó, tức là không có một pháp nào biến hoá mà không chịu chi phối của luật đây, vì thế gọi là Luật Vạn Hữu Nhân Quả, có ai nói là không nên chăng?

C.- Vọng chấp sanh diệt đoạn thường. Người đời nguyên vì không thông suốt được tất cả pháp đều do nhân duyên sanh ra, liền cho tất cả pháp là chân thường (*Thường*) thật có, chấp kiên cố không bỏ, nguyên vì mọi người đây đối với thân mạng tài vật của họ lại luyến ái giữ gìn bảo vật riêng biệt và một sớm nọ thấy người ta chết, hoặc thấy tài vật bị tiêu diệt thì lại cho là theo đây đoạn diệt (*Đoạn*), không thể sanh trở lại, khiến người xem đến bi thương tiêu cực. Nếu biết tất cả pháp đều do nhân duyên sanh, tức là biết tất cả pháp không có tự tánh, sanh là huyễn sanh và diệt cũng là huyễn diệt. Nguyên vì chúng nó đều theo nhân duyên sanh diệt, cho nên nói không phải chân thường, cũng không phải thật có, nguyên vì nó sanh diệt cũng đều huyễn cả, vì thế mới nói diệt nhưng không phải là đoạn diệt. Nếu là đoạn diệt, mà đã diệt thì làm sao có thể sanh trở

lại? Nếu thật có thì lẽ tất nhiên không thể diệt. Xưa kia, các nhà Vật Lý Học cũng đã từng ngộ nhận cho vật chất là thật có, thế nên nói vật chất thường trụ không diệt, nếu vật chất đúng là thật có, lại quyết định không thể bị diệt, nếu vật chất đúng là không thể bị diệt, mà đã diệt thì không thể sanh trở lại, do đó núi sông như vật tất nhiên đến thời kỳ diệt tận thì vĩnh viễn không thể sanh. Các nhà khoa học hiện đại mới chứng minh vật chất đều không thường trụ, có thể biến diệt, nhưng diệt ở đây đều không phải diệt chân thật, chính là huyền diệt. Vật chất diệt thì năng lực sanh, năng lực diệt thì vật chất sanh, cả hai đây có thể lẫn nhau biến, vì thế nên biết chỗ gọi sanh diệt, chính là giả tướng có biến hóa, kỳ thật thể căn bản chưa thường sanh diệt, chưa thường biến động, cho nên Phật giáo nói tất cả pháp bất sanh bất diệt (*Tất cả pháp không sanh không diệt*). Nhưng kẻ không thông đạt được học thuyết nghĩa chân thật đây lại ngộ nhận tất cả giả tướng đều không sanh diệt, lại chấp cho là thật có, trở thành là kẻ thường kiến. Và nghe Phật nói giả tướng có sanh diệt liền ngộ nhận cho bản thể có sanh diệt, chấp cho là đoạn kiến. Thường kiến cũng là tục kiến (*thấy theo thế tục*), Đoạn kiến tức là tà kiến, hủ bại của nó rất xa là vu tục (*thô tục*). Mỗi lần nghe người đời nói, làm người là không, khuyên đại gia rõ thấu điểm này, có được ăn liền ăn, có được rõ thấu liền rõ thấu, cần gì phải tự khổ? Là người cho nói cũng nói, đấy là thấu suốt lẽ đời. Nơi Phật giáo xem đến thì một điểm cũng không thông đạt, hoàn toàn là ngu si đã không rõ

mà thuyết pháp, một nửa là đoạn kiến, một nửa là thường kiến. Cái không của người kia nói chính là cái không của đoạn diệt không phải là cái không của Phật giáo chỗ nói chân không diệu hữu, nguyên vì họ còn chưa quên tình cảm ham thích, họ nhận cho ăn xem là chân, còn người khác không cho ăn là không phải chân; họ chỉ xem thấy đã đoạn diệt của đoạn diệt, còn chưa đoạn diệt hãy mau lên để hưởng thọ, đâu chẳng phải ngoài đoạn kiến lại còn có thường kiến? Do vọng thấy đoạn và thường đây, một phương diện tận tình hưởng lạc, tham trước ngũ dục; một phương diện đoạn diệt từ bi, ghét nơi tu thiện. Đây lại là hiện tại có một nhóm người như sanh quan của họ chỉ biết an phận giữ mình, họ là kẻ có tham trước đoạn diệt tà kiến thì sử dụng nhân quả báo ứng hoàn toàn theo kiểu cách hệ phái thần đạo thiết lập giáo dục cải cách ngu dân, họ tự cho là không phải ngu dân, họ chỉ sợ lợi ích của thiên hạ không quay về mình, chỉ sợ quyền uy của thiên hạ không tập trung về thân của họ, không mượn tánh mạng của chúng sanh làm sức sanh cúng tế cho họ, những người như thế hàng ngày đều tạo vô số nghiệp địa ngục, khi mạng chung làm sao tránh khỏi bị đọa vào địa ngục, thọ khổ vô lượng? Nay đem lý sanh diệt đoạn thường trình bày đồ biểu nơi bên trái, để trừ vọng chấp.



Lại một lần nữa đề cử sự thật của khoa học làm thí dụ để nói rõ: hiện tại người trong nhà trang bị giây đèn điện, sau khi xưởng điện phát điện, chỗ mở đóng bằng một chốt điện, khi mở đèn điện ánh sáng liền phát ra. Người không rõ nguyên lý điện học đến xem, thấy ánh sáng đèn điện đây đã được trắc nghiệm ổn định nên không thấy biến, thế họ cho là dòng điện đã không còn biến. Thực tế đã biết số lượng và phương hướng của dòng điện tức khắc đã nằm trong chỗ biến, nhờ đó ánh sáng điện

đương nhiên cũng biến theo, nhưng biến rất nhanh chóng, vì thế mắt thịt không thể nào biết được, cho nên huyền giác “Thường” phát khởi. Nếu người học trông nom điện đến giảng, dòng điện đây gọi là Giao Lưu (*chỗ dòng điện giao tiếp*) tức là Phi Sanh, số lượng lại biến liền nương nơi người trông nom điện đến ngay nơi Huyền Khúc Tuyến (*chỗ giảng giây đường cong*), trước hết từ ngoài trực tiếp phát khởi hướng về một phương hướng nào đó để tăng trưởng, chờ đến khi trực tiếp một tối cao nào đó, liền giảm nhỏ lần lần để đến ngoài, rồi lại từ ngoài khởi chiều tương phản phương hướng để tăng trưởng, đạt đến điểm tối cao, tiếp theo đi trở lại giảm nhỏ lần cho đến nơi ngoài, rồi lại dẫn lên tuần hoàn biến hóa. Do đây có thể cho biết đường đi của dòng điện không có thời gian chỉ trong chớp mắt ẩn định, liền lập tức ở trong sanh trưởng biến diệt, sanh rồi lại diệt, diệt rồi lại sanh, sanh sanh diệt diệt tuần hoàn không dứt. Lại có thể suy biết dòng điện đây là ở trong điện tuyến (*giây điện*) qua lại gây chấn động làm rung động, khi mở chốt điện liên quan điện, trong giây điện đều chưa gia tăng chất lượng của điện nên gọi là Phi Tăng. Khi đóng quan hệ của nó thì điện trong giây điện cũng chưa giảm nhỏ chất lượng, nên gọi là Phi Giảm. Giây điện đa số bằng đồng nguyên tử mới bảo trì được số lượng điện tử, đều không nương theo chốt đóng đèn điện mà có tăng giảm. Đã không tăng thì con điện không sanh, đã không diệt thì con điện không diệt, nên gọi là Phi Đoạn. Dòng điện đã sanh diệt tương tục thì biết không phải thường

nên gọi là Phi Thường. Điện tử của đồng nguyên tử thì không bao giờ bị diệt nên gọi là Phi Diệt. Khi mở đèn, điện tử có thể sanh ánh sáng đèn, thế nên điện tử khi cùng đèn tắt công dụng không giống nhau cho nên gọi là Phi Nhất. Nhưng điện tử khi bị động tức là điện tử từ khi tịnh lại chuyển sang động thì không phải khác, nên gọi là Phi Dị. Khi dòng điện đến, thật cẩn thận, sử dụng điện tử trong giây điện để gây rung động, đây không phải thật có điện tử từ nơi xưởng đưa đến, cho nên gọi là Phi Lai. Điện tử khi đứng lại, điện tử trong giây đồng cũng chưa bỏ đi, nên gọi là Phi Khứ. Do thí dụ đây, xem lại kinh Phật có chỗ nói những câu “Bất sanh bất diệt, bất tăng bất giảm, bất đoạn bất thường, bất nhất bất dị, bất lai bất khứ”, liền có thể suy nghĩ quá phân nữa vậy,

V.- TINH THẦN TÍCH CỰC CỦA PHẬT GIÁO.

Hiện tại hai danh từ thông dụng là tích cực cùng tiêu cực, ý nghĩa đây suy cho cùng là hàm hồ, cũng thí dụ như danh từ đông tây đều không định vị được. Nhưng chính ý nghĩa của tích cực và tiêu cực xin nói lại giống như, chỗ gọi tích cực là đại khái chỉ cho nỗ lực, dũng cảm, tiến về phía trước, nói không cho đầy đủ vân vân; còn chỗ gọi tiêu cực là nói chỉ cho lùi biếng, e dè, thoái lui, biết đủ, vân vân. Phổ thông mọi người cảm tưởng đối với Phật giáo, nói chung cho là tiêu cực, yếm thế, nguyên vì họ xem thấy tăng chúng ẩn cư nơi sơn lâm hẻo lánh

vắng vẻ, không làm những công việc sanh sản; còn chúng cư sĩ thì không thường ra vào chỗ thị trường náo nhiệt. Vì lối sống như thế của các tăng chúng và các cư sĩ nói trên khiến cho người khác ngộ nhận và phê phán. Phật giáo xưa nay vốn là Tông giáo thuần lý trí, cho nên Phật giáo đồ, đầu não của họ luôn luôn tĩnh lặng lãnh đạm cực đoan và họ hoàn toàn triệt để giải quyết sự mê lầm của vũ trụ như sanh, vì thế mới chọn những chỗ thanh tịnh vắng vẻ hẻo lánh để dụng công tu tập và trên con đường tu tập muốn đạt được thành công, tuyệt đối cấm không được phóng khí sanh sản. Còn trong thế gian, trên thực tế hầu như có một số người, họ chỉ nhìn thấy chỗ trọng yếu của sự sanh sản, không những ở nơi chánh trị, giáo dục trở xuống, cho đến chỗ thị trường náo nhiệt, nếu là nơi danh lợi hưởng lạc, đương nhiên họ không bỏ qua, cũng như những phước lợi cho chúng sanh thì làm gì họ không bỏ đi? Chỉ họ vì tâm tham dục vô giá trị, không những chuyên làm những chuyện tính toán cho chính mình, cũng chẳng cầu hư danh; mặc dù họ biểu hiện bên ngoài là tiêu cực, nhưng bên trong đối với các thứ việc xấu ác thực sự tha hồ tuyệt đối tích cực. Người đời chỗ gọi là tích cực tức là chỉ cho nào là nỗ lực, dũng cảm, tiến về phía trước, không cho đầy đủ. Họ luôn luôn mong cầu chỗ nguyên động lực của tích cực ở tại đâu và tại đó không có người khác chen vào, đồng thời danh lợi chỉ có riêng cho họ mà thôi. Vì danh lợi cho nên gà kêu cũng phải thức, không thể gọi là không nỗ lực; vì danh lợi cùng phấn đấu cho hoàn cảnh, không thể gọi là

không dũng cảm; vì danh lợi tuyệt đối sợ lạc hậu, không thể gọi là không tiến về phía trước; vì danh lợi nên được danh vọng cô độc to lớn, luôn luôn không cho đầy đủ. Phật giáo đề nếu vì họ không có nguyên động lực này, cho nên họ đối với những sự việc đây, đương nhiên chỉ có thể biểu hiện lười biếng của họ, lo sợ, chùn bước, thối lui về sau, không biết tri túc, vân vân, đều có thái độ hoàn toàn tiêu cực. Còn Phật giáo đề chính nơi họ có nguyên động lực này cho nên họ, vì cầu tất cả chúng sanh tuyệt đối bình đẳng, vì cầu tất cả chúng sanh tuyệt đối tự do, vì cầu tất cả chúng sanh là khổ được vui, vì cầu chúng sanh trí tuệ đầy đủ, vì cầu chúng sanh viên mãn chánh giác, mặc dù ở nơi đại thiên thế giới khắp bỏ thân mạng họ cũng không luyến tiếc, ngàn sanh muôn kiếp vĩnh viễn không thối chuyển, như một chúng sanh nào chưa thành Phật nguyện cho họ quyết định mau chứng được Niết Bàn (*Nê Hoàn*). Tinh thần trên đây mới gọi là nỗ lực, là dũng cảm, là tiến về phía trước, là không cho đầy đủ, tất cả như thế mới gọi là tích cực chân chánh.

1/- Tìm cầu tự do. Tích cực tiến thủ của Phật giáo là một lời nói bao trùm hết cả, đó gọi là tìm cầu tự do. Người đời chờ cầu tự do, phải chẳng không ngoài thân thể, chỗ ở, vinh nghiệp, tập hội, ngôn luận, tân khai, xuất bản, tín ngưỡng, tư tưởng vân vân tất cả đều tự do, trải qua về sau Tổng Thống La Tư Phước thêm vào một điều tự do nữa là không dự đoán thiếu thốn, để giúp cho tự do phạm vi được hoàn toàn rộng lớn. Nhưng ở lập trường

của Phật giáo xem đến, một số tự do đây phạm vi hoàn toàn rất nhỏ, tiêu chuẩn hoàn toàn quá thấp, cần yếu nhu cầu thái quá hoàn toàn không có dũng khí. Ta có một việc nên làm, chính việc làm đó rất tốt là thí dụ như, có một Hoá Tử mộng tưởng muốn làm hoàng đế, người nhà hỏi nó: “Con hoàn toàn muốn làm hoàng đế, cần phải làm sao có mẫu để hưởng phước”? Nó trả lời: “Con muốn làm hoàng đế, chỉ cần cầu trời thì trời cất lên một bước, điều kiện đem bánh dầu lớn thì ăn thích thú” Nói cho cùng cũng có thể thương, người thế gian đều giống Hoá Tử đây, nghĩa là có một nhóm người bần cùng, tâm họ hoàn toàn tối tăm, cần yếu hễ mở miệng là trả giá, nhưng cũng không dám hy vọng đi trả giá với trời! Có thể nói là đệ tử của Phật thì gan dạ rất lớn, tâm họ cũng hoàn toàn kiên quyết, họ cần cầu tự do, dứt khoát đem phạm vi tiêu chuẩn một chân đá là khai ngộ ngay (*Bồng Hát Thiên*). Họ nói họ cần cầu tự do, họ cần phát khởi từ nơi thân thể. Nơi thân thể họ có sáu thứ công dụng là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý, họ cần cầu sáu thứ công dụng đây có thể tuyệt đối phát huy tự do, không chịu bất cứ trói buộc nào, bất cứ chướng ngại gì. Trước hết từ nhãn tình (*Tròng con mắt*) phát khởi, có người khác hỏi, nhãn tình là cái gì mà có thể thấy được ánh sáng hướng dẫn một đoạn ngắn trong làn sóng nam châm và làm sao thấy được màu tím ở ngoài màu hồng nằm trong làn sóng ánh sáng, cho đến làm sao thấy được làn sóng của nhiệt và làn sóng của vô tuyến điện? Làm gì có thể thấy được hình ảnh đảo ngược trên võng mô mà không

thể thấy trực tiếp đến làn sóng ánh sáng? Làm gì không thể thấy các núi sông như vật trên tinh cầu? Làm gì không thể thấy hạt điện tử, quang tuyến vũ trụ, dòng năng lực nam châm? Làm gì không thể thấy sự tình của quá khứ và vị lai? Làm gì không thể thấy chỗ thấy của tất cả chúng sanh? Làm gì không thể lìa khỏi tất cả đối tượng mà chỗ thấy có sai biệt? Họ cần cầu giải trừ các thứ chướng ngại để đạt được tự do tuyệt đối. Thử hỏi lỗ tai làm gì không thể nghe làn sóng âm thanh đến tần số 20 trở xuống và 2 vạn trở lên? Làm gì không thể nghe tiếng ngôn ngữ âm thanh của tất cả chúng sanh trong toàn thế giới cho đến toàn cả vũ trụ? Làm gì không thể nghe tiếng chấn động của phân tử? Làm gì không thể nghe ngôn ngữ của con người mấy ngàn năm về trước? Làm gì không thể thoát khỏi chỗ nghe riêng có làn sóng âm thanh? Họ cũng cần cầu đạt được tự do tuyệt đối của âm thanh. Thử hỏi lỗ mũi làm gì không thể giải thoát sự trói buộc của không gian thời gian và không thể giải thoát khi nghe đến tất cả mùi vị trong và ngoài xưa và nay? Làm gì không thể nghe đến đạo vị bản thân lỗ mũi con của người khác? Làm gì không thể sử dụng đến các thứ tầng số cạnh chính khúc tuyến nơi đó biểu thị các thứ chủng loại sai biệt của mùi hôi? Họ cũng cần cầu đạt được tự do tuyệt đối ngửi biết mùi hương. Thử hỏi lưỡi làm gì nhất định cần hòa hợp với vật chất rồi sau đó mới có thể thưởng thức vị? Làm gì lưỡi của nó không thể tự thưởng thức là đắng hay là ngọt? Làm gì không thể nói tất cả ngôn ngữ của động vật? Làm gì không

thể biến khắp che phủ ba ngàn đại thiên thế giới để phổ cáo cho chúng sanh? Làm gì không được dùng một thứ tiếng để diễn thuyết khiến tất cả chúng sanh tùy chủng loại đều hiểu được? Họ cũng cần cầu đạt được thưởng thức mùi vị và ngôn luận tự do tuyệt đối. Thử hỏi thân thể làm gì không thể giải thoát tâm địa và hấp lực du hành của thái hư, qua lại các tinh cầu trong không gian? Làm gì không thể tùy ý biến hóa hoặc lớn hoặc nhỏ, cả đến biến khắp hư không, nhỏ cho đến tiến thẳng vào trong hạt nguyên tử, để làm loạn tổ chức? Làm gì không thể đem điều chỉnh toàn bộ thái dương hệ ném vào trong ngân hà? Làm gì không thể tiếp thu nước sắt nóng trong lò luyện giầy đồng? Làm gì không thể cảm giác nỗi thống khổ nơi thân chịu đựng của vô lượng chúng sanh? Làm gì không thể đem mười phương thế giới nuốt hết vào trong một miệng? Họ cũng cần cầu đạt được tự do tuyệt đối của các bộ phận trong thân thể. Thử hỏi tâm ý là thứ gì không thể hiểu rõ tất cả sự vật biến hóa và tâm lý của tất cả chúng sanh trong mười phương ba đời? Làm gì không có thể không tiếp nhận được tám thứ bệnh khổ nào là sanh lão bệnh tử, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh.? Làm gì không có thể tưởng tượng bốn độ trở lên và tình trạng của không gian? Làm gì tất cả vật chất không thể theo tâm để biến hiện? Làm gì không thể li khỏi tất cả đối tượng để riêng có tưởng niệm? Họ cũng cần cầu đạt được tự do tuyệt đối của tâm ý. Các ông nếu nói họ cần cầu là cần cầu vô lý, chúng ta lại hỏi các ông có lý do gì không thể

cần cầu? Các ông nếu nói họ chỉ cần cầu là cần cầu chỗ vô lý, chúng ta lại hỏi các ông có lý do gì không thể cần cầu? Các ông không cần làm miếng bánh dầu lớn mà bên ngoài không dùng mỹ vị. Chỗ gọi là chim Đại Bàng bay vạn dặm, nhưng ý chí của nó đâu có thể hiểu biết bằng con chim sẻ núi? Thứ dững mãnh đây đối với chỗ cầu hiểu biết thì không đầy đủ hiện trạng tinh thần tích cực, ở đây chỉ Phật giáo thì mới có khả năng đầy đủ.

2/- Nguyên vọng vĩ đại. Ở trên đã liệt kê các thứ tự do, nhưng không có lý do nào để đạt được chúng nó, đương nhiên cương quyết không thể cần cầu, quả như lý luận trên có thể đạt đến được; nhưng trên thực tế không có phương pháp nào có thể đạt đến được và cũng chỉ có thể than mình sức yếu không làm được việc mà mình muốn làm. Xin xét lại giáo nghĩa của Phật giáo, thứ tự do đây chính mọi người vốn có khả năng và nhưng không thể chỉ biết bề ngoài; họ chỉ vì vọng tưởng chấp trước, mê mất bản tánh, mãi chạy theo phát khởi các thứ phiền não, giống như mình tự trói buộc lấy nghĩa là mình phải có bốn phạm gây giống hoa lan để nuôi con tầm mùa xuân, không có chút tự do giải thoát, họ tự thọ lấy các khổ oan uổng. Họ nếu như có thể noi gương giáo pháp tu hành, đoạn trừ tận gốc tất cả phiền não hoặc nghiệp, thì bản tánh của họ tự nhiên chiếu sáng, nguyên do họ không còn bị trói buộc nữa. Cho nên biết có thể đạt được nguyên lý tự do tuyệt đối, cũng có thể đạt được đạo

quả viên thành, như có người đối với đây có thể sanh tín tâm, có thể phát đại nguyện, có thể thiết thực đi làm, không sợ khó, không lùi bước, tự nhiên một ngày nào đó có thâu hoạch được ngay.

Cho nên đối với Phật giáo người đã sanh tín tâm, dạy họ trước hết phải phát đại nguyện rồi sau đó mới có thể thật hành. Tín tâm chính là La Bàn của kẻ đi thuyền, để có được định hướng, không gây mê loạn, còn nguyện lực chính là động cơ, có thể sanh động lực, nhờ đó mới có thể khiến hành giả tiến tới không ngừng, vì thế phàm là tín đồ Phật giáo tất nhiên phải phát bốn Hoàng Thệ Nguyện đã được liệt kê ở bên trái:

- 1>- Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
(Chúng sanh không số lượng thệ nguyện đều độ hết).
- 2>- Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
(Phiền não không cùng tận thệ nguyện đều dứt sạch)
- 3>- Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
(Pháp môn không kể hết thệ nguyện đều tu học)
- 4>- Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.
(Phật đạo không gì trên thệ nguyện được viên thành)

Theo trong bốn Hoàng Thệ Nguyện đây có thể xem ra tinh thần tích cực của tín đồ Phật giáo so với các tín đồ của các Tông

giáo khác thì họ còn quá xa. Tinh thần tích cực trong bốn Hoằng Thệ Nguyên được thấy như sau:

a). Sự tin Phật của Phật giáo đồ là họ tu hành không vì mưu cầu lợi ích riêng tư cho chính mình, không tưởng đến mình sẽ được lên thiên đàng để hưởng phước, mà ở đây là chỉ cần cứu độ tất cả chúng sanh, trong đó gồm có các động vật và các thiên thần, tốt nhất là lìa khổ được vui, dứt hẳn phiền não.

b). Nỗ lực cầu biết chân lý của vũ trụ như sanh, cầu đạt vô thượng chánh đẳng chánh giác.

c). Biết rõ chúng sanh không cùng tận, phiền não không cùng tận, pháp môn không kể hết, Phật đạo không gì trên, mà đều không sợ khó thối lui chùn bước. Chọn tinh thần đại hùng vô úy như thế mà gọi là tiêu cực thì tôi không biết hai chữ tích cực sẽ làm thế nào để giải thích.

Tất cả Bồ Tát đều có nguyện lực đặc biệt siêu việt thù thắng, đó chính là ba thứ đại nguyện trong Phật giáo được tuyên dương vô cùng rộng lớn, xin tường thuật sơ lược để giới thiệu: (1) Một là mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, (2) 48 lời nguyện của Tỳ Kheo Pháp Tạng (tức là hiện tại Phật A Di Đà), (3) 141 lời nguyện của Bồ Tát Văn Thù. Giờ đây xin trích lục

một đại nguyên trong 10 đại nguyên của Bồ Tát Phổ Hiền như bên trái:

“Lại nữa này thiện nam tử, nói hằng thuận chúng sanh đây, nghĩa là tận cùng cõi hư không của pháp giới, mười phương cõi rộng lớn như biển cả chỗ có chúng sanh,....., tôi đều vì họ mà chuyển xe pháp luân, mỗi mỗi đều phụng sự, mỗi thứ đều cúng dường, như kính cha mẹ, như phụng dưỡng sư trưởng và A La Hán, cho đến các đức Như Lai, đều bình đẳng không có sai biệt. Nơi các bệnh khổ, vì họ mà làm lương y; nơi những kẻ lạc đường, chỉ bày cho họ chánh lộ; nơi trong đêm tối tạo ra ánh sáng cho họ, đối với những kẻ bần cùng, nay giúp cho họ được chỗ ẩn nấp ở yên; Bồ Tát bình đẳng lợi ích chúng sanh như thế, tại sao? Bồ Tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh tức là tùy thuận cúng dường chư Phật; nếu nơi chúng sanh phải tôn trọng phụng sự tức là tôn trọng phụng sự Như Lai; nếu khiến chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, tức là khiến tất cả Như Lai hoan hỷ. Vì sao thế? Nguyên vì chư Phật Như Lai lấy tâm đại bi làm thể, nguyên vì chúng sanh mà phát khởi đại bi, nguyên vì đại bi mà sanh tâm bồ đề, nguyên vì tâm bồ đề mà thành được chánh đẳng giác. ---- nguyên vì bồ đề là thuộc nơi chúng sanh, nếu không có chúng sanh, tất cả Bồ Tát chọn không thể thành vô thượng chánh giác. Này thiện nam tử, các ông đối với nghĩa đây, nên cứ như thế mà giải thích. Dùng tâm bình đẳng của chúng sanh thì có thể thành tự đại bi viên mãn. Dùng tâm đại

bi tùy theo chúng sanh, thì có thể cúng dường Như Lai thành tựu. Bồ Tát tùy thuận chúng sanh như thế, suốt tận thế giới khắp hư không, suốt tận chúng sanh khắp thế giới, suốt tận nghiệp của chúng sanh, suốt tận phiền não của chúng sanh, ta đây đều tùy thuận không có cùng tận, niệm niệm tương tục không có gián đoạn, nghiệp của thân miệng ý, không có một mỗi chán nản.”

Đây là trình bày tiêu biểu tinh thần tích cực vĩ đại phục vụ chúng sanh của Bồ Tát Phổ Hiền. Thế gian chỉ biết phục vụ xã hội, phục vụ nhưn quần, đối tượng rất nhỏ, chúng ta cần phải noi theo pháp Phổ Hiền, khuếch trương rộng lớn, phục vụ đối tượng cho đến nơi vô hạn định. Thế gian chỉ biết đối với cùng ta có quan hệ tập đoàn thì mới phục vụ, có phần thân và sơ thì mới phục vụ; Bồ Tát Phổ Hiền thì dùng tâm bình đẳng làm lợi lạc cho chúng sanh, không phân biệt oan thân. Tông giáo thế gian chỉ biết tôn sùng phụng thờ giáo chủ của mình; Bồ Tát Phổ Hiền thì nối tiếp phụng sự chúng sanh cho là nối tiếp phụng sự Như Lai và cho cúng dường chúng sanh chính là cúng dường Như Lai. Còn thế gian chỉ biết hết mình phục vụ nhưn quần của thế gian; Bồ Tát Phổ Hiền thì cho thời gian phục vụ chúng sanh lâu dài vô cùng, luôn luôn không một mỗi chán nản. Phật giáo tuyệt đối không phải yếm thế, quán sát đây tăng thêm tín tâm.

48 lời nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng cũng là rất vĩ đại, Ngài phát nguyện cần yếu là tạo thành một quốc độ Cực Lạc, trong nước vật chất văn minh có thể do lời phát nguyện đạt đến cực điểm, trong nước hơn dân mỗi người sống đặng đàng trang mỹ lệ, mà lại mỗi người đều đạt đến mỗi thứ tự do trên hết, mỗi cá nhân đều đạt đến địa vị bình đẳng tuyệt đối. Ngài đương nhiên ban đầu khi phát nguyện liền hướng về đức Phật Thế Tự Tại Vương, đức Phật bảo chứng cho Ngài nhất định sẽ thành tựu đúng như lời đại nguyện này; đức Phật đối trước Ngài Pháp Tạng nói rằng: “Thí dụ như có một người lạc vào biển lớn mênh mông, trên chiếc thuyền chỉ biết nhìn sao bắc đẩu để đi, lang thang trên biển cả trải qua nhiều kiếp số, nghèo đến tận tận cùng của cuộc đời, bỗng nhiên còn có thể may mắn gặp được một hòn đảo to lớn trong đó chứa đầy trân châu diệu bảo; có người chí tâm tinh tấn cầu đạo không dừng nghỉ, lẽ đương nhiên sẽ gặp được quả, nhờ đó nguyện gì mà không thành!” Về sau Tỳ kheo Pháp Tạng quả nhiên nhờ tu toàn bộ đại nguyện, công thành quả mãn như thế, nghiêm nhiên trở thành một vị Phật hiệu là A Di Đà Phật. Hiện tại sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” đã trở thành khẩu hiệu tuyên truyền rất rộng rãi trong Phật giáo, cho đến tận cùng làng xóm, phụ nữ trẻ con nơi hẻo lánh, ai cũng đều biết đến.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Tịnh Hạnh, Bồ Tát Văn Thù cũng đã phát nguyện, 141 lời nguyện cũng có phần thâm

ý. Có số người trong sinh hoạt thường ngày, mỗi lần làm một công việc liền phát một lời nguyện, mỗi một lời nguyện đều nói câu “Đương nguyện chúng sanh”(Nguyện cho chúng sanh), mà không nói “Nguyện ngã chắm ma”(Nguyện tôi thế nào). Đây trình bày rõ nhưn sanh quan của Phật giáo, là mỗi nơi, mọi người ai cũng đều tưởng đến câu “Nguyện cho chúng sanh” và mỗi việc làm người nhà đều nguyện tốt, riêng tôi cũng đang làm một công việc giống như thế là “Nguyện cho chúng sanh”. Sở dĩ không từ lập trường của bản ngã để phán xét, mà chính là hợp lại các văn kiện đã giảng đạo lý bình đẳng khách quan ở trên để phán xét. Từ ba thứ nguyện vọng vĩ đại ở trước, có thể thấy rõ đại hùng đại lực đại từ bi của Phật giáo, quyết định không phải trên thế gian bất kỳ nhà tông giáo, nhà triết học, nhà chánh trị, nhà khoa học nào có thể mô phỏng được một phần rất nhỏ của nó!

VI.- ỨNG DỤNG PHẬT GIÁO VÀO ĐỜI.

Trong Phật giáo có hai danh từ, một là “Xuất thế”, một là “Liễu sanh tử”, thường thường có người hiểu sai lầm và căn cứ nơi đó gán cho Phật giáo là chủ nghĩa yếm thế. Để làm sáng tỏ vấn đề đây không thể không biện giải chân chánh. Chỗ gọi là “Thế”, tức là thời gian, cho nên nói ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai. Chỗ gọi là “Xuất Thế”, tức là vượt ra khỏi sự trói buộc của thời gian. Thời gian từ đâu mà có?

Đáp rằng, thời gian từ niệm niệm sanh diệt mà có. Niệm đầu chuyển biến được nhiều thì biết được thời gian dài, nếu niệm đầu chuyển biến được ít thì biết được thời gian ngắn, thí dụ như những người khi chờ đợi ai, niệm niệm không dứt hy vọng trông chờ người đó đến, nhưng họ không đến đã trải qua mười phân đồng hồ, liền biết được dường như thời gian quá ngắn đã đi qua được phân nửa. Lại nữa như lúc nhàn rỗi thanh thản, khi tịnh tọa mặc niệm, thời gian chính biết được quả quyết đã thuộc về quá khứ. Niệm đầu nếu không sanh diệt tức là không có thời gian dài ngắn. Vì thế có thể lìa khỏi giả tướng sanh diệt tức là không chịu thời gian trôi buộc, cho nên “Xuất Thế”, đều không phải gọi là yếm thế lánh đời. Cho nên kinh Phật có nói: “Bất ly thế gian pháp, thường hành xuất thế đạo” (*Chẳng lìa pháp thế gian, thường thật hành đạo xuất thế*). Lại nói: “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác, ly thế gian mịch bồ đề, khắp như cầu thố giác” (*Phật pháp chính ở nơi thế gian, không thể lìa khỏi thế gian để được giác ngộ, nếu lìa khỏi thế gian đi tìm bồ đề, đúng là đi tìm cầu sừng thỏ*). Phật pháp căn bản chính là không lìa khỏi thế gian, nay nói vào đời đây đúng là không phải chỉ bảo tham gia sự nghiệp xã hội, không phải thật có vấn đề ra đời (*xuất thế*) hay vào đời (*nhập thế*) vậy. Lại nữa chỗ gọi “Sanh tử” đây, tức là nghĩa của sanh diệt, “Liễu sanh tử” đây, chính là chỉ cho đã thoát khỏi vọng niệm của sanh diệt, thoát khỏi giả tướng của sanh diệt. Có kẻ mượn vấn đề

đây để mỉa mai Phật giáo sợ chết trốn sống, đều là nguyên nhân không thấu đạt được nghĩa này, liền phát sanh ra đoạn giải thích đây. Phật giáo vốn là môn học thực dụng cần thiết rất thích hợp với nhơn sanh, có lý luận, có ứng dụng, cùng khoa học giống nhau, không giống như một nhóm Tông giáo có ít thực dụng mà không lý luận, cũng chẳng giống như triết học có lý luận mà không thực dụng. Nay xin nói nhập thế ứng dụng của Phật giáo, nhằm tạo làm kết thúc cho bản văn này.

1/- Giải thích chân thật về phục vụ. Hai chữ phục vụ ở trong Phật giáo gọi là độ chúng sanh, xem nơi điều thứ nhất của bốn hoằng thệ nguyện là, “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ” (*Chúng sanh không có ranh giới thệ nguyện đều độ hết*), và câu “Hằng thuận chúng sanh nguyện” (*Phát nguyện thường độ chúng sanh*) của Bồ Tát Phổ Hiền, cũng đủ chứng minh Phật giáo chính là Tông giáo phục vụ nhơn loại tích cực không điều kiện. Phật giáo dạy người phục vụ tích cực như thế bằng cách nào, chính là nguyên nhân chọn lấy tất cả chúng sanh xưa nay đều một thể bình đẳng để độ người mà cũng tức là độ mình, cứu người cũng tức là cứu mình, tuyệt đối không phân biệt, cho nên kinh Kim Cang nói rằng: “Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề, nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát”. (*Nghĩa là độ thoát vô lượng vô số vô biên chúng sanh như thế, thật ra không có*

chúng sanh nào được độ thoát cả. Tại sao thế? Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tức không phải là Bồ Tát). Nguyên vì nhơn và ngã là một thể, mặc dù là người phục vụ, nhưng tư tưởng phục vụ không còn tồn tại. Phật giáo không phải không thực hiện tư tưởng phục vụ mà lại còn thực hiện cả tư tưởng báo ân, chấp nhận tất cả chúng sanh đều là người ân. Hoặc nói: Cho cha mẹ sư trưởng là người ân thì còn có lý, nếu cho tất cả chúng sanh đều người ân thì chưa khỏi thái quá hay sao. Tôi thì đáp: đây là sự thật, đều không phải nói làm cho người đời sợ hãi ngạc nhiên. Chúng ta chỉ cần đem mỗi người về ăn mặc ở, việc làm chỗ nhu cầu cần yếu như tiền của vật chất vân vân đem ra để thí nghiệm thì bỗng nhiên cũng đủ để chứng minh lời nói này không sai lầm. Thí dụ như chúng ta rõ biết có vải, có lụa, có hàng len, có các thứ y phục, thì biết rằng phải nhờ có thợ may cắt xén chắp vá kết thành y phục để mang mặc; những vật liệu vải lụa hàng len phải nhờ các cửa tiệm bày bán; nguồn gốc những vải lụa hàng len được bày bán trong cửa tiệm đây đều phát xuất từ nơi xưởng dệt vải lụa, xưởng dệt tơ tằm, xưởng phân biệt định giá; những nguyên liệu bày bố đây chính là từ nơi xưởng chỉ sợi cung cấp; tơ tằm là do người nuôi tằm cung cấp; món ăn của con tằm là lá dâu do người trồng cây dâu cung cấp; nguyên liệu sản phẩm hàng len chính là nhờ người chăn nuôi bầy trừu cắt lông cung cấp. Đây là nói từ hệ thống trực tiếp, đã hiểu rõ chỉ một người mà hoàn toàn quan hệ phần lớn

các giới nông công thương; nếu đem một người được thành quả nhờ trợ giúp gián tiếp để nói, thí dụ như, sản phẩm nông nghiệp được chuyên chở cung cấp nhu cầu từ nơi xe hơi, xe lửa, ghe thuyền, hàng không, cho đến quan hệ các công cụ giao thông như xe thuyền xe ngựa, vân vân, phần nhiều những công cụ đây nhất định phải có người quản lý dật đàn, còn bổ xung công cụ lại cần có các công xưởng hợp tác. Tóm lại, những sản phẩm nông nghiệp cung cấp cho các xưởng xe chỉ sợi tơ tằm, xưởng dật đàn, xưởng cắt may; lại nữa, nhu yếu chế tạo phải qua các cơ khí, mà các cơ khí đây phải do công trình các kỹ sư thiết kế chế tạo và sử dụng. Nhu yếu công trình của kỹ sư là bộ phận cốt rọc trong đại học sản xuất ra, học thức của họ là các thứ khoa học nơi giáo sư giáo dục. Có thể nói, tất cả công nghiệp thương nghiệp và cơ quan giáo dục đều là nhu yếu, chánh trị phù trợ và quân đội bảo hộ. Đơn cử thứ nhất nói, không biết con người ít nhiều đều là hạng lao động. Trong con người đây đa số bao quát gồm có các giới nào là, nông, công, thương, trường học quân chánh, thật là chỗ không có phân biệt, đông, tây, nam, bắc; người thì không có phân biệt nam nữ già trẻ, đều hoàn toàn là một cá nhân tôi nương tựa và xem họ là những người hợp tác lao động. Nương nơi đây đã thấy một khoảng là như thế, vấn đề ăn, ở và sinh hoạt ba điều kiện trên tinh thần là vật nhu yếu, lại cũng là nhiều cho đến không có gì thặng hơn. Cần yếu là triệt để trình bày, có thể nói trên thế giới không có một cá nhân nào không trực tiếp hoặc gián tiếp không

trợ giúp tôi và tôi có thể không cảm tạ ân đức của họ hay sao? Tuy nhiên tôi đã đưa ra giá đại biểu tương tương, nhưng có nhiều vật cho phép là vô giá, thí dụ như tôi thay đổi kỷ nguyên tiền tệ giá bằng một quyển sách, trong quyển sách đây giá trị trí thức đối với tôi chính là không phải kim tiền có thể thay thế đại biểu. Hơn nữa tôi kiếm tiền với một bộ phận là bằng tác phẩm nhưng không có định giá nhiều ít, cũng không phải bốn phần, không phải ân nghĩa, cũng không dùng phương pháp lừa bịp để thủ lợi. Dù rằng tôi lấy được cũng là tiền chánh đáng, còn đổi lấy vật chất đại biểu trị giá cũng rất chính xác, nhưng đây phần nhiều vạn người chỉ có một người không cùng tôi hợp tác. Như vậy tôi lại đem đến những thứ gì? Chúng nó chỉ cùng tôi. hợp tác, chính là chúng nó ân nghĩa đối với tôi. Ân nghĩa đây có tiền cũng không mua được nó, thứ đây không hợp tác kinh nghiệm thống khổ, nghĩa là nổi thống khổ đây mỗi cá nhân chúng ta đều đã chịu qua. Do đó chúng ta biết được đạo lý, và đạo lý đó chúng ta hưởng thụ, không phải do chủ tạo vật hoặc thiên thần ban cho, chúng ta không đăng ký cảm tạ chủ tạo vật hoặc thiên thần, chúng ta phải nên cảm tạ mỗi cá nhân của toàn thể thế giới. Cho nên chúng ta cần phải học tinh thần 141 lời phát nguyện trong Phẩm Tịnh Hạnh, nơi trong sinh hoạt hàng ngày, mỗi việc cần phải làm là cầu phước cho toàn thể nhưn loại, tuyệt đối không nên hưởng về một cá nhân không bình đẳng----- hoặc hưởng về chủ tạo vật hay thiên thần chỉ cầu phước báo cho riêng cá nhân mình. Chúng ta cần nỗ lực đi làm

chức nghiệp chính đáng, và sự nghiệp có lợi cho nhơn quần, để báo đáp công ân của toàn thể nhơn loại, đây mới là chúng ta hoàn toàn phục vụ xã hội.

2/- Tâm trách nhiệm chân thật. Các đại gia đều biết đạo, phục vụ xã hội trọng yếu thứ nhất là tâm có trách nhiệm, nhưng làm gì gọi là tâm có trách nhiệm? Đây là nói, một cá nhơn đối với một người nào, hoặc một tập đoàn nào xây dựng một sự kiện gì, đảm nhiệm một thứ nhiệm vụ gì, cần yếu phải tận tâm tận lực làm việc, giả sử làm việc không được tốt, chính cần yếu là phải chịu đối phương trách phạt, muốn khỏi bị trách phạt thì không được làm việc không hoàn hảo, dụng tâm như thế mới gọi là tâm làm việc có trách nhiệm. Chúng ta phân tích sau đó, chính biết đạo lý động cơ tâm có trách nhiệm là như thế, còn kẻ làm trâu ngựa thì tâm lý họ sợ bị chủ nhơn đánh đập cho nên mới nỗ lực, phần lớn làm việc không có nhận thức phân biệt. Có người nói: “Không phải, đây là sợ trách phạt của lương tâm chính mình, mà không phải là sợ người nhà trách phạt.” Tôi nói: “Lương tâm nhà người chính là kẻ lường gạt nhà người, lời đây tôi đã nói qua, cũng cho phép tôi trách phạt nhà người là không cho nhà người đi làm việc ác. Giả sử lương tâm nhà người trực tiếp bị trách phạt, thì nhà người lại trở thành thứ gì? Con đường khó cho nhà người là trong bao tử có hai cái tâm, một là tâm lương thiện, một là tâm đen tối cả hai hòa hợp có thành không?” Hiện tại trên xã hội có một cá nhơn nào đó

không thể tự nói mình có lương tâm, có tâm trách nhiệm. Có thể là đại đa số trong xã hội không có lương tâm, không chịu gánh vác trách nhiệm, chuyên chọn lựa những điều ác để đi làm, đây là đạo lý gì? Phật giáo chính căn bản không nói đến trách nhiệm điều đó, trong Kinh Phật cũng không có danh từ nào hoàn toàn thiện theo kiểu đó. Chỉ có thể căn cứ theo giáo nghĩa của Phật giáo để làm việc thì vẫn thật sự khả năng phụ trách tuyệt đối. Nay vì tùy thuận thế tục, tạm thời gọi là tâm trách nhiệm chân thật. Tâm trách nhiệm chân thật đây chính là từ nơi tâm bình đẳng, tâm từ bi, tâm báo ân, và tâm nhân quả sáng tỏ hoà hợp sanh ra. Cho nên nếu như thời gian nương theo Phật giáo để làm việc thì đối với cấp trên có khả năng làm việc không bị trách phạt, còn đối với thuộc hạ cấp dưới xem họ làm việc không để họ bị trách phạt, vì tâm họ không bị sợ hãi, tâm họ không sanh kêu ngạo, đó chính là tâm bình đẳng. Thuộc cấp có chỗ nhu cầu thì cấp trên tất nhiên giúp đỡ họ cho được mãn ý, có chỗ khốn nạn thì tất nhiên phải giải trừ cho họ được thoát khỏi, đây chính là tâm từ bi. Cấp trên chỉ thị tôi phương châm công tác, còn thuộc hạ giúp đỡ tôi trình bày mọi việc, tất cả họ đều là ân nhân của tôi, đã là ân nhân đây tất nhiên phải báo đáp, đó chính là tâm báo ân. Làm thiện thì được thiện báo, làm ác thì được ác báo, nhân quả rõ ràng, như ảnh theo hình, tôi nếu tham ô thì phạm giới trộm cắp, tôi nếu cầu thả làm biếng thì phạm giới buông lung, tôi nếu nóng nảy thì phạm giới sân, tôi nếu thất lễ thì phạm giới ngạo mạn, đã phạm giới thì phải

chịu thọ báo, một hào ly cũng không thoát khỏi, đây chính là tâm bị nhân quả rõ ràng ràng buộc. Nếu hiệp bốn thứ tâm này lại để làm việc, thì không có thể gánh vác được trách nhiệm hay sao? Đây gọi là tâm trách nhiệm chân thật. Nếu không rõ lý Phật, đối với cấp trên thì tất nhiên nịnh bợ, đối với cấp dưới thì trở nên kiêu mạng; cấp trên khi kiêu mạng thì từ chối trách nhiệm đối với cấp dưới, cấp dưới khi có chỗ thỉnh cầu thì cấp trên lại từ chối; nơi tôi có lợi thì cung nghinh đón rước long trọng vì sợ không đủ lễ; còn tôi lại sợ hãi dè dặt vì xét thấy không đủ sức, những kẻ không biết phân biệt lợi hại thì không biết báo ân. Ở đời danh lợi uy quyền địa vị trước mắt lại cho là chân thật, còn nhân quả báo ứng lại cho là hoàn toàn đối gạt người. Những hạng người như thế thì đáng coi thường, giả sử họ không biết nếu trách phạt thì còn có thể khéo léo ngăn ngừa, nguyên vì luật nhân quả không thể phá hoại, nếu kết quả không được như thế không phải là hại người mà chính hoàn toàn ngược lại là hại mình mà thôi.

3/- Năng lực phán đoán chính xác. Người thế gian có thể phân biệt sự việc, tất nhiên phải có đủ hai điều kiện là tài và đức thì mới có thể thành tựu sự nghiệp vĩ đại. Ở trên chỉ có giảng một chữ đức, cho đến chữ tài thì bao quát cả tài nghệ học vấn và tài năng trí tuệ. Trí tuệ tức là bình thường chỗ gọi năng lực phán đoán. Học vấn không đủ kỹ năng bảo vệ, còn có thể mượn người trợ giúp, chỉ có năng lực phán đoán thì làm người

chủ sự rất xứng đáng. Năng lực phán đoán đây muốn nuôi dưỡng được thành tựu tất nhiên trước hết phải minh bạch sự lý, phải hiểu rõ hơn tình của cuộc đời thì mới có thể phán đoán được chính xác. Nhưng chỗ gọi là minh bạch sự lý, thảo luận như thế nào cho được dễ dàng, trên thế tục nói về sự lý, nơi nhãn quang của Phật giáo xem thấy, thường thường không phải là sự lý chân thật. Như thế chỉ có giáo lý của Phật giáo mới hoàn toàn minh bạch, trở lại xem sự việc thì mới có thể đạt được chân lý của nó. Nhân vì Phật giáo tôn sùng khách quan, bất kỳ sự việc nào đều không phải từ lập trường của tự kỷ để xem, thường thường chọn lấy tâm chúng sanh để làm tâm của mình, khiến thâm nhập đến tâm lý của cá nhân mỗi người, cho nên đối với bất kỳ sự việc gì cho đến hơn tình của cuộc đời không thể không nhìn thấu nếu xem nó là lửa. Vấn đề minh bạch hoàn toàn đối tượng để về sau mới thảo luận. Giờ đây trở lại bàn đến phán đoán, tự nhiên hoàn toàn không thể gặp không chính xác. Người đời sơ dĩ không được thông suốt rõ ràng sự lý là do chấp trước thâm sâu ngã chấp, không biết bị phiền não, hoặc nghiệp lực ngăn che không cho giác ngộ, tâm có ngăn ngại, liền phát khởi hoảng sợ điên đảo, đem thứ tâm này đi phân biệt sự vật, đương nhiên không thể đạt đến chân tướng của nó. Thí dụ như quân quan lâm trận, trong quân phát khởi tin đồn, họ liền lo ngại thân mạng của mình và tài sản vợ con của họ, tự nhiên họ phát khởi nhát gan đối với tin đồn đây liền nói, thà tin là nó có thật hơn là không tin nó không thật; nhà

người nói người quân nhưn đây như thế nào có thể phán đoán chính xác không? Hiện tại con mắt của quân nhưn đó phần nhiều bị giới hạn ngăn che bởi tham sân si mạn, khiến hoàn toàn tan mất năng lực phán đoán, hướng về họ để xem họ chạy đến con đường tự sát. Cho nên tôi can đảm nói, chỉ người học giáo lý của Phật giáo mới có minh bạch chân chánh, mới có năng lực phán đoán chính xác. Có năng lực phán đoán chính xác thì mới có thể thành tựu sự nghiệp vĩ đại.

4/- Nghị lực kiên nhẫn. Làm tất cả sự nghiệp trong thế gian, điều cần yếu là nghị lực, mới có thể vượt qua các thứ quan hệ khó khăn, không bẻ gãy không khát phục thì triệt để không thành công. Nếu như một khi gặp trắc trở, ông liền bị tinh thần chán nản ý chí buồn khổ, mặc dù việc nhỏ mà còn thất bại, hướng hồ đại sự. Thứ nghị lực đây đã đạt được từ trong tu dưỡng học thức, có học thức thì mới có tinh thần can đảm, có tu dưỡng thì mới có nhẫn nại, hợp lại hai thứ này thì mới có nghị lực kiên nhẫn, đủ để trách nhiệm trọng đại đạt đến chỗ xa. Nguyên nhân nghị lực được phát xuất từ nơi học dưỡng, cho nên không giống nơi ngoan cố, ngoan cố là tự ý làm càn thì tất nhiên nó học dưỡng có chỗ không đủ tiêu chuẩn, học không đủ thì thấy lý không rõ ràng, dưỡng không đủ thì cứng đầu cứng cổ (ngang bướng). Thế gian có sai lầm để cứng rắn là nghị lực, rõ ràng không hợp lý sự, sai trái nếu đi làm, làm sai lầm thì một sai

lầm, cho đến chết cũng vẫn sai lầm không giác ngộ. Kỳ thật đúng ra có nghị lực thì quyết định không như thế.

Phật giáo không gọi là nghị lực mà gọi là nhẫn. Ý nghĩa nhẫn thì hoàn mỹ. Không chỉ gặp phải nghịch cảnh thì mới nhẫn nại, khiến cho ý chí bị giao động; còn như gặp được thuận cảnh, khác nào người được ca ngợi tán dương cung kính vân vân, cũng cần đứng yên kiên nhẫn, không phát khởi tâm háo danh, hãy xem đến hiện tượng cung kính người đặc biệt giống nhau, trực tiếp đến bát phong như, lợi (*lợi dưỡng*), suy (*thương thảm*), hủy (*nói xấu*), dư (*khen*), xưng (*xưng tặng*), cơ (*chê trách*), vân vân là những cảnh giới không thể động đến, đây là chỗ tuyệt đối phải đến xí nghiệp để công phu tu dưỡng. Trong Phật giáo đối với chữ nhẫn phân tích rất tinh tế, có các thứ nhẫn như, giới nhẫn, định nhẫn, vô tướng nhẫn, vô sanh nhẫn vân vân, danh tướng rất phức tạp, như thế không tường thuật tỉ mỉ được. Bồ Tát tu Lục Ba La Mật, đem chữ nhẫn thuộc Ba La Mật thứ ba dùng đối trị ngã mạn. Có thể thấy Phật giáo đối với công phu chữ nhẫn xem rất trọng yếu cực đoan. Chúng ta đã là phàm phu, ngã chấp chưa trừ, tự nhiên có ngã mạn, thường thường mới học vượt qua điều tốt, thông thả thấy chữ nhẫn càng sâu. Không tin, xin lưu tâm bất kỳ trên bàn hội nghị, tài liệu đây khi phát sanh tranh luận, người biện tài thành công tốt đẹp, người biện tài thành công mà không được phục vụ biểu tặng thì như thế nào, đối phương nếu như cũng chẳng chịu lép vế, thường

thường biến động nẩy lửa, đem đề mục tranh luận dời đến nhà tư nhơn. Người có Phật giáo tu dưỡng lại quyết định không như thế, mặc dù dẫn đến tình trạng vì pháp vong thân cũng cần quán chiếu nơi mình, vẫn không thấy kiêu mạn tăng trưởng, lại không thể phát khởi tâm sân, đi công kích cá nhân người được nâng lên. Hoàn toàn có nhẫn lực, mới có thể vượt qua các thứ quan hệ khó khăn, vượt qua quan hệ danh lợi, không bị dục niệm dẫn dắt, rồi sau đó biện luận sự nghiệp mới có thể phát triển thuận lợi.

5/- Thái độ thành khẩn. Từ thái độ nghi lễ niệm hương lễ Phật năm vóc gieo mình sát xuống đất của tín đồ Phật giáo, có thể xem thấy tâm chí thành khẩn thiết của họ. Lại xem đến các tăng chúng niệm Phật tụng kinh trên điện trong các tự viện, nghe đến âm nhạc của chuông trống mõ khánh khiến người không do dự cảm đến được không khí trang nghiêm tôn kính. Lại xem đến quy củ trong trai đường, và trật tự trên pháp hội giảng kinh, có thể nói so với trong hoàn cảnh của một đoàn thể mục nát trong quốc gia xã hội, kiếm không được nguyên tắc thứ hai ở bên ngoài. Người trong nước không tuân theo pháp luật, không tuân theo trật tự, nơi bất kỳ tập hợp, bất kỳ công cộng trường sở, đều biểu diễn bao quát xem thấy, đã không thể che giấu được sự thật. Chỉ có nghi lễ của giới Phật giáo có thể mời người nước ngoài tham quan mà không xấu hổ. Người trong nước thì giống nhau nhưng trên hành động có chỗ sai biệt

khác nhau, thật không thể không thán phục sự giáo dục cảm hoá có hiệu quả vĩ đại của Phật giáo. Cho nên hai trình độ phụ tử đại nho của Tống triều khi tham quan quy cũ nghi lễ của tự viện trở về sau, phát ra lời than rằng: “Ba đời lễ nhạc, cuối cùng không hơn đây!” Tôi đã được ở kế bên bàn hội nghị nọ, nghe một vị chủ quan phụ trách nói: “Mặc dù đoàn thể khi ăn chung luôn luôn tranh biện là không tốt, nguyên vì trên phòng ăn luôn luôn có vấn đề, chỉ có các hoà thượng trong tự viện, từ xưa đến nay không có nghe nói lời đấu tranh trong phòng ăn.” Căn yếu ở đây trở lại vấn đề công trình giới luật của Phật giáo. Căn cứ theo giới luật, không chỉ nói, nhất cử nhất động đều có quy củ, chính là khởi tâm động niệm cũng không thể dần dần liên quan đến gian tà riêng tư, một khi có lỗi lầm, chính căn yếu là ở trước Phật chí thành sám hối. Nho giáo giảng thành kính, quân trận giảng kỷ luật, cả hai đều không có tượng Phật để dạy họ mẫu mực chu đáo và nghiêm cách. Nhà nho giảng ngũ thường thì trừu tượng, khiến người không thể thật hành; Phật giáo dạy ngũ giới thì cụ thể hơn, ngăn cấm nói rất rõ ràng, dạy người làm dễ dàng. Nhưng luận sự thật vẫn là giống nhau không hai, không sát sanh là nhơn, không trộm cắp là nghĩa, không tà dâm là lễ, không vọng ngữ là tín, không uống rượu là trí. Phật giáo thì trọng sự thật, cũng trọng lý luận, khiến người làm hiểu rõ được gì cần phải làm như thế. Cho nên trong Phật giáo nhất cử nhất động, nhất sự nhất vật, đều lý luận có căn cứ,

đều ra thi hành, nhưng phía bên trong dường như có thành phần mê tín?

Phật giáo đồ có thái độ chí thành khẩn thiết, nếu tinh tế phân tích, thật tế do bốn thứ thành phần Phật lý hoà hợp kết thành: (1) tín tâm, (2) chân tâm, (3) nhu hoà tâm, (4) cung kính tâm.

(1)- Chỗ gọi là tín tâm, chính là tin tất cả chúng sanh đều bình đẳng, tất cả pháp giới đều bình đẳng, cho nên có thể đối với mọi người không yêu không ghét, không ham muốn không hiềm khích, không ganh tị không ghen tương, không nịnh bợ không kiêu hãnh.

(2)- Chỗ gọi là chân tâm, nghĩa là cùng với người bàn luận công việc hoàn toàn sự thật và công bằng, không lừa dối, không có lý lẽ, không thiên kiến (*chấp thiên lệch*), không tà kiến, không tư kiến (*chấp riêng tư*).

(3)- Chỗ gọi là nhu hoà tâm, thường quan sát đối phương có chỗ nhu cầu gì, có chỗ nghi ngờ gì, có chỗ hoảng sợ, ta phải trợ giúp họ nếu không đầy đủ, nên giải bày cho họ khỏi lo âu, giúp thân tâm họ được an lạc, nói ra bằng lời lẽ nhu hoà, khiến họ được hoan hỷ

(4)- Chỗ gọi là cung kính tâm, xem đối phương đều là ân nhân, là thiện tri thức, là cha mẹ anh em, cho nên phải cung kính, không phải vì lợi ích riêng tư cho mình.

Do vì có bốn thứ này, phát triển ra ngoài gọi là thái độ thành khẩn. Con người nhờ thái độ thành khẩn đây liền được phát sanh ra bốn thứ hiệu quả: (1) Được người tín nhiệm, (2) Khiến người thích thân cận, (3) Khiến người hoan hỷ, (4) Chịu người lễ kính. Người có thể nhờ thái độ đây nếu theo chánh trị, thì có thói quen không suy tính, không từ chối, không lôi kéo, không trì hoãn, trên thì nịnh hót, dưới thì hiếp đáp; chọn thái độ đây làm kinh tế thương nghiệp thì không lừa bịp, không thủ đoạn, xảo quyệt, không cướp giựt, không hủ bại độc quyền, bóc lột; chọn thái độ đây quản lý gia đình thì hoà khí đưa đến tốt đẹp; chọn thái độ đây giao tiếp bạn bè thì nước sữa thân thiện thuận hòa. Nói hợp lại, chọn thái độ đây xử thế tiếp vật thì tự nhiên mưu sự gì tất nhiên đều thành công, chỗ cầu gì tất nhiên được kết quả. Bất kỳ tập đoàn cơ quan nào như có số người bảo trì thái độ này thì tự nhiên có trật tự, pháp luật kỷ cương nghiêm minh, tất nhiên thành một bộ máy cấu tạo có khả năng kiên cường. Như Khổng Tử nói: “Thành đây là đạo của trời vậy, kẻ thành đây là đạo của người vậy.” Người đạo Nho đối với công phu thành ý này rất chú trọng nghiêm túc, nhìn nhận cho là “Chí thành có thể cảm đến trời đất”, “Tinh thành cho đến đá vàng cũng phải nở hoa” lời nói đây công dụng hữu hiệu như

thế. Phật giáo thì tu trì các thứ pháp môn, trước hết đều dùng chí thành, tức là người thuyết pháp cũng tất nhiên thành khẩn, nếu không thì thuyết pháp đều trở thành hý luận, kẻ nói kẻ nghe đều không thật sự lợi ích.

B.- KẾT LUẬN.

Phật pháp rất cao thâm mầu nhiệm, người đời đối với đây giải thích bóp méo xuyên tạc, hiểu biết sai lầm. Có một hạng người cho thời đại đây là thời đại khoa học xương minh, không nên trở lại đề xướng mê tín. Lại có một hạng người cho Phật giáo là thiết lập giáo lý thần đạo, ý của họ ở nơi cần người làm lành, nhưng chưa có thể làm cho người được an ổn trên tinh thần. Hạng người thứ nhất là nhận trắng làm đen, hạng người thứ hai tự hồ là không phải như thế. Tác giả đã xem xét qua cho nên từ lập trường khoa học quán sát Phật giáo giải thích xu hướng của nghĩa lý, nhận thấy người thứ nhất hiểu biết đạo lý Phật giáo không phải là mê tín, mà lại là học lý phá trừ mê tín rất triệt để, lại còn khiến hạng người thứ hai hiểu biết đạo lý Phật giáo không phải thiết lập giáo lý thần đạo, lại không phải là loại thuốc ma túy để trị liệu khi tinh thần thống khổ, mà chính là chân lý của vũ trụ như sanh, là học thuyết xử thế tiếp vật thực dụng, cho đến thời đại cơ giới thời đại thực dụng đối với Phật giáo không dừng ở nơi đây, xin các đọc giả còn nên tìm cầu sâu xa hơn. Tóm lại ở trên các tiết mục chỗ luận giải

đủ chứng tỏ Phật giáo là lý trí, là bình đẳng, là tự do, là khách quan, là triệt để, là cụ thể, là viên mãn, là tích cực, là nhập thế, là tôn giáo thực dụng. Nay kính cẩn cho đến thành tâm, chính đã thấy nghe và chỗ đạt được, điều khoản được liệt kê như trên, kính xin cống hiến nơi đọc giả, để báo thâm ân, nguyện thấy đó và nghe đó, phát tâm hoan hỷ, sanh tin tưởng và phát nguyện, nương nơi lời dạy đây tu hành.

Dịch xong ngày 16 tháng 4 năm 2020

Dịch giả: Thích Thắng Hoan

Chùa Phật Quang

Trung Tâm Phiên Dịch và Sáng Tác